



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**



# BẢN TIN **KINH TẾ VĨ MÔ**

SỐ THÁNG 11/2024



## MỤC LỤC



<b>PHẦN I: KINH TẾ THẾ GIỚI</b>	<b>1</b>
1. Tình hình kinh tế thế giới tháng 10/2024	1
1.1. Tổng quan chung	1
1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới	2
2. Dự báo tăng trưởng	7
<b>PHẦN II: KINH TẾ VIỆT NAM</b>	<b>9</b>
1. Tình hình kinh tế Việt Nam tháng 10/2024	9
1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội	9
1.1.1. Sản xuất công nghiệp	9
1.1.2. Xuất nhập khẩu	10
1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp	10
1.1.4. Hoạt động đầu tư	11
1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng	11
1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ	12
1.2.1. Tăng trưởng tín dụng	12
1.2.2. Lãi suất	13
1.2.3. Tỷ giá	14
1.2.4. Chứng khoán	15
1.2.5. Lạm phát	16
2. Dự báo kinh tế Việt Nam	17
2.1. Về chủ trương, chính sách	17
2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam	21
<b>PHẦN III: THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO</b>	<b>23</b>
1. Thị trường dầu thô	23
2. Thị trường khí	30
3. Thị trường phân bón	35
4. Thị trường điện	38
<b>PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ</b>	<b>41</b>
Phụ lục I: Kinh tế vĩ mô Việt Nam tháng 10 năm 2024	42



PHẦN I

## KINH TẾ THẾ GIỚI

### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI THÁNG 10/2024

#### 1.1. Tổng quan chung

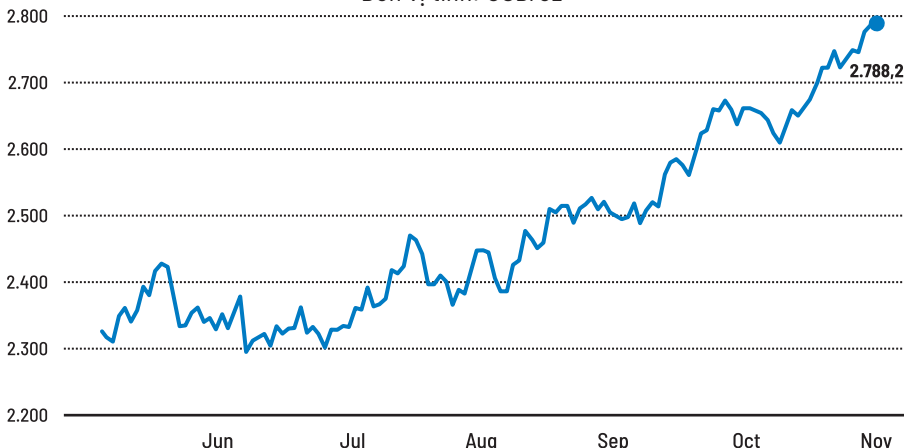
Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu tháng 10/2024 đạt 49,4 điểm, tăng 0,6 điểm so với tháng 9/2024 (48,8 điểm). Sự suy thoái sản xuất toàn cầu tiếp tục vào tháng 10, và vẫn dưới mức trung tính 50,0 trong tháng thứ tư liên tiếp. Tuy nhiên, mức PMI tăng cho thấy tốc độ thu hẹp đã chậm lại so với mức thấp nhất gần đây của tháng 9. Sự điều chỉnh này phản ánh sự cải thiện trong điều kiện hoạt động tại Trung Quốc, trong khi suy thoái ở Hoa Kỳ và khu vực đồng euro đều giảm bớt.

Trong tháng 10, kinh tế thế giới tiếp tục chứng kiến những nhiều biến động mạnh mẽ. Lạm phát tại các nền kinh tế phát triển vẫn ở mức cao bất chấp nỗ lực kiểm chế của các ngân hàng trung ương. Bên cạnh đó, chi phí sinh hoạt và sản xuất tiếp tục leo thang, gây thêm áp lực lên người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Đáng chú ý, trong tháng qua, giá vàng tiếp tục tăng mạnh, nối tiếp đà tăng giá tháng thứ tư liên tiếp nối dài chuỗi tăng giá tháng thứ tư liên tiếp, cho thấy nhu cầu phòng ngừa rủi ro ngày càng tăng cao trước cuộc bầu cử tổng thống Mỹ sắp tới, khi các nhà đầu tư coi vàng là nơi trú ẩn an toàn trong bối cảnh nhiều bất ổn chính trị và kinh tế.

#### DIỄN BIẾN GIÁ VÀNG THẾ GIỚI 6 THÁNG QUA

Đơn vị tính: USD/oz



Nguồn: Trading Economics

Trong khi đó, trong báo cáo công bố ngày 13/10, Ngân hàng Thế giới (WB) cho biết, 26 nền kinh tế nghèo nhất thế giới đang gánh khối nợ cao nhất kể từ năm 2006, với nợ công trung bình ở mức 72% GDP, con số cao nhất trong 18 năm qua. Đặc biệt, gần một nửa trong số này đang rơi vào tình trạng căng thẳng nợ hoặc có nguy cơ cao, gấp đôi so với năm 2015. Hỗ trợ quốc tế cho các nước nghèo cũng đã giảm xuống mức thấp nhất trong hai thập kỷ, khiến các quốc gia này đứng trước nguy cơ vỡ nợ ngoại tệ thường xuyên hơn trong thập kỷ tới.

Bên cạnh những thách thức từ nợ công và những biến động khó lường của thị trường tài chính, kinh tế toàn cầu còn chịu sức ép từ căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông khi có khả năng Israel sẽ tấn công vào các cơ sở dầu mỏ của Iran. Nếu kịch bản này xảy ra, giá dầu có thể tăng vọt, đẩy lạm phát toàn cầu lên mức cao hơn và làm giảm chi tiêu tiêu dùng, từ đó tác động xấu đến nền kinh tế. Đặc biệt, tình hình xung đột leo thang có thể dẫn đến nguy cơ đóng cửa eo biển Hormuz, tuyến đường huyết mạch vận chuyển 70% lượng dầu nhập khẩu vào châu Á, khiến chi phí năng lượng tăng cao và làm suy yếu sản xuất toàn cầu. Trong bối cảnh tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, cùng với tình trạng đầu tư và thương mại yếu kém, các nước đang phát triển cũng sẽ bị ảnh hưởng nặng nề hơn, làm trầm trọng thêm khoảng cách kinh tế giữa các quốc gia này và các quốc gia phát triển.

### 1.2. Các nền kinh tế lớn trên thế giới

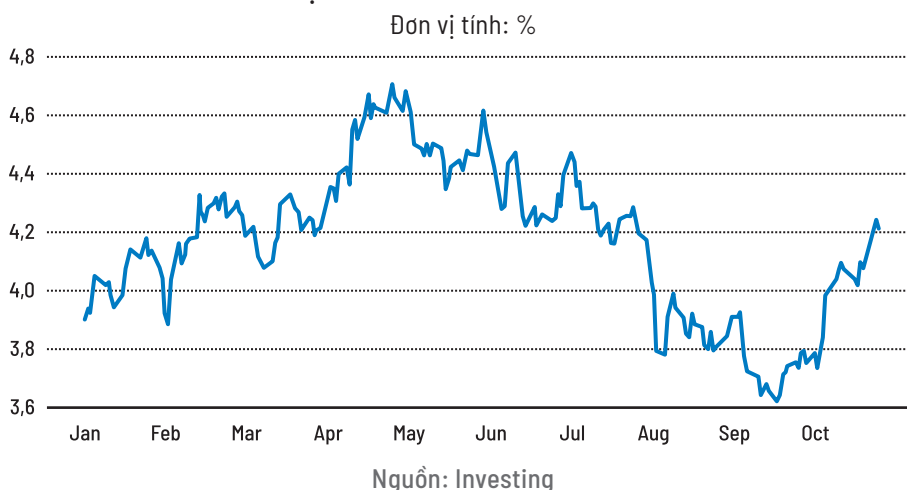
#### ▪ Mỹ

*Chỉ số PMI sản xuất tháng 10/2024 đạt 48,5 tăng 1,2 điểm so với tháng 9/2024 (47,3 điểm), dưới ngưỡng 50 điểm tháng thứ 4 liên tiếp. Mặc dù lĩnh vực sản xuất của Hoa Kỳ vẫn trong tình trạng suy thoái vào đầu quý 4/2024, nhưng đã có một số dấu hiệu cho thấy sự suy thoái đang dịu đi. Các đơn đặt hàng mới tiếp tục giảm, nhưng tốc độ suy giảm đã chậm lại và sản xuất thu hẹp ở mức nhỏ nhất trong ba tháng. Tuy nhiên, các nhà sản xuất vẫn tiếp tục cắt giảm việc làm và hoạt động mua hàng. Áp lực lạm phát đã dịu đi, với chi phí đầu vào tăng với tốc độ chậm nhất trong gần một năm và lạm phát giá đầu ra cũng giảm.*

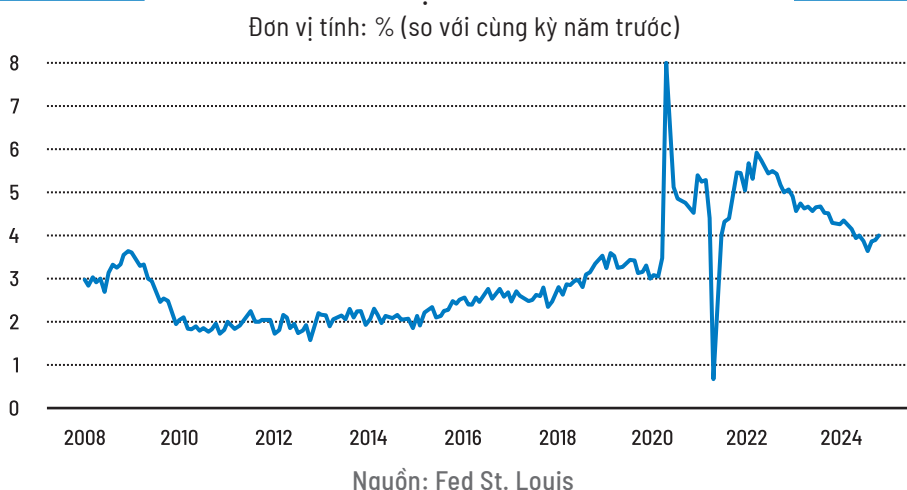
Kinh tế Mỹ trong tháng 10 ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực trước thêm bầu cử tổng thống. Đặc biệt, trên thị trường tài chính, lãi suất trái phiếu kho bạc Mỹ kỳ hạn 10 năm đã tăng mạnh lên mức 4,25%, điều này không chỉ phản ánh sự hồi phục tích cực của nền kinh tế mà còn cho thấy sự gia tăng lòng tin của các nhà đầu tư vào triển vọng kinh tế trong tương lai từ góc độ đầu tư.

Bên cạnh đó, chỉ số lòng tin người tiêu dùng Mỹ đã tăng mạnh từ mức 99,2 của tháng 9 lên 108,7 điểm trong tháng 10, cho thấy đánh giá của người dân Mỹ về tình hình kinh tế ngày một lạc quan hơn. Đồng thời, mặc dù thị trường lao động đã chậm lại, nhưng số lượng người lao động bị sa thải của Mỹ ở mức thấp kỷ lục và tiền lương vẫn tiếp tục tăng trưởng với tốc độ ổn định. Thêm vào đó, lượng tiết kiệm vẫn ở mức cao và lạm phát cũng đã hạ nhiệt đáng kể, giúp các hộ gia đình giảm bớt gánh nặng, đặc biệt là những gia đình thu nhập thấp.

## DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU KHO BẠC MỸ KỶ HẠN 10 NĂM TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN NAY



## TĂNG TRƯỞNG THU NHẬP BÌNH QUÂN THEO GIỜ CỦA NGƯỜI MỸ GIAI ĐOẠN TỪ THÁNG 1/2008 - 10/2024



Trong tháng qua, mặc dù đã có những dấu hiệu phục hồi, tuy nhiên nền kinh tế Mỹ vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức đáng kể khi người dân ngày càng thắt chặt chi tiêu. Trong tháng qua, ngành bán lẻ gặp phải áp lực lớn do nhu cầu tiêu dùng giảm trong mùa lễ Halloween do người tiêu dùng chuyển hướng sang các sản phẩm giá rẻ hơn để tiết kiệm chi phí. Nguyên nhân một phần do thị trường vay thế chấp ngày càng trở nên khó khăn hơn khi lãi suất vay thế chấp cố định ngày một tăng cao, làm giảm khả năng tiếp cận tài chính của nhiều hộ gia đình.

Ngoài ra, theo báo cáo do Bộ Tài chính Mỹ công bố vào ngày 18/10, tổng thâm hụt ngân sách trong năm tài khóa 2024 đã đạt mức 1.833 tỷ USD, cao hơn 138 tỷ USD so với năm trước, chủ yếu do chi phí lãi vay vượt quá 1.000 tỷ USD, điều này có thể đặt ra áp lực lên nền kinh tế trong dài hạn. Trong khi đó, kết quả bầu cử tổng thống vào tháng 11 cũng tác động lớn đến nền kinh tế Mỹ, bao gồm các lĩnh vực quan trọng như chính sách thuế, nhập cư, thương mại, năng lượng và cán cân ngân sách, từ đó định hình triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ trong tương lai.

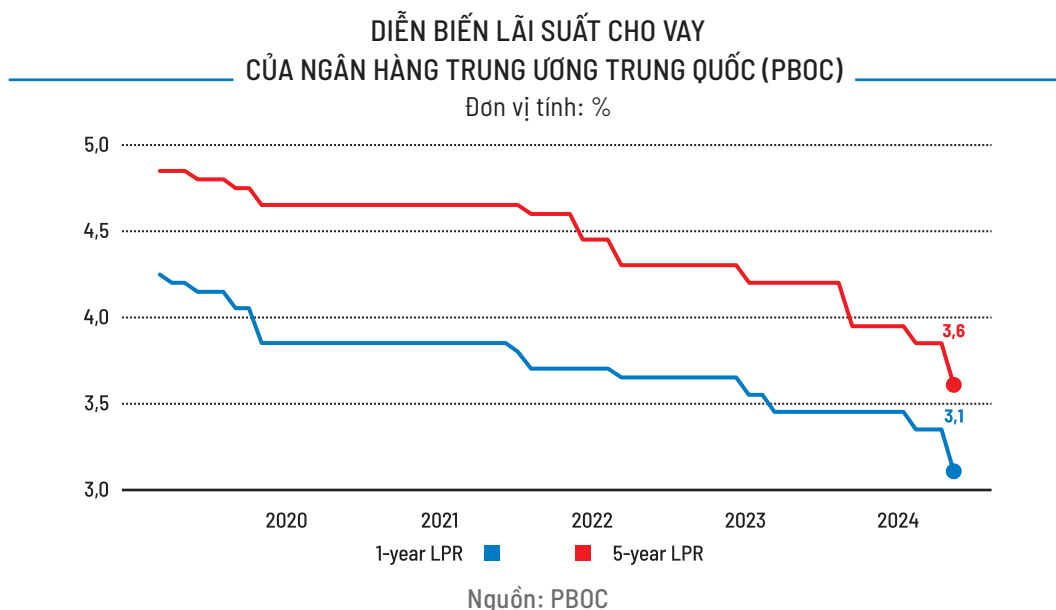
Dự báo về triển vọng tăng trưởng kinh tế Mỹ trong tương lai, ngày 22/10, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) dự báo kinh tế Mỹ sẽ giảm tốc từ mức tăng trưởng 2,8% trong năm 2024 xuống mức tăng 2,5% trong năm 2025 khi chính sách tài khóa thắt chặt dần và thị trường lao động nguội lạnh sẽ kìm hãm chi tiêu dùng, sau đó sẽ giảm dần về mức tăng trưởng tiềm năng.

### ▪ Trung Quốc

**PMI sản xuất tháng 10/2024 đạt 50,3 điểm, tăng 1 điểm so với tháng 9/2024 (49,3 điểm), vượt qua mốc trung lập 50,0.** Số liệu cho thấy điều kiện trong lĩnh vực sản xuất đã được cải thiện sau một thời gian ngắn suy giảm vào tháng 9/2024. Yếu tố then chốt trong sự tiến triển mới nhất về điều kiện của lĩnh vực sản xuất là sự gia tăng đơn đặt hàng mới với tốc độ nhanh nhất trong bốn tháng. Tuy nhiên, các đơn hàng xuất khẩu vẫn giảm, nhưng tốc độ giảm đã chậm.

Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán Trung Quốc cũng đã có những diễn biến tích cực khi Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBOC) công bố chương trình cho vay chuyên biệt trị giá 42 tỷ USD nhằm hỗ trợ các công ty niêm yết và cổ đông lớn trong việc mua lại cổ phiếu vào ngày 18/10. Động thái này đã tạo ra tâm lý lạc quan, giúp cổ phiếu trên thị trường tăng trưởng mạnh mẽ. Theo kế hoạch, PBOC sẽ cung cấp 300 tỷ nhân dân tệ thông qua 21 ngân hàng thương mại tham gia chương trình. Cùng với kế hoạch trên, chương trình hoán đổi cũng được triển khai, cho phép nhà đầu tư tiếp cận thanh khoản từ ngân hàng trung ương để thực hiện các giao dịch mua bán cổ phiếu.

Mặt khác, để khuyến khích tiêu dùng và đầu tư, ngày 21/10, PBOC đã quyết định giảm lãi suất cho vay cơ bản, cụ thể là lãi suất kỳ hạn 1 năm giảm xuống 3,1% và lãi suất vay kỳ hạn 5 năm giảm xuống 3,6%.

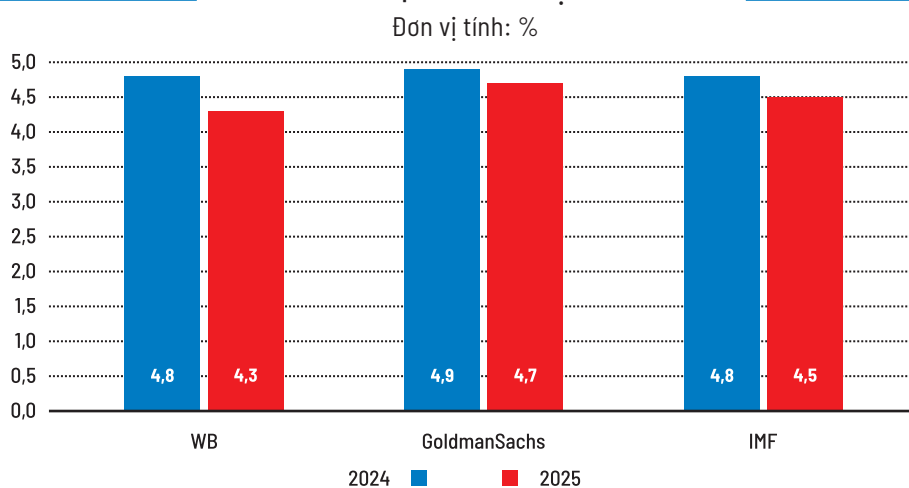




Ngoài ra, kinh tế Trung Quốc hiện đang trải qua nhiều biến động lớn, đặc biệt là tình trạng già hóa dân số gia tăng. Điều này đã thúc đẩy sự phát triển của “kinh tế bạc” một lĩnh vực chuyên cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho người cao tuổi, đang mở ra cơ hội cho nhiều doanh nghiệp. Đồng thời, nền kinh tế tăng thấp ở Trung Quốc cũng đang phát triển mạnh mẽ, với việc sử dụng máy bay không người lái để thực hiện các hoạt động kinh tế trên không như chở hàng hóa và cung cấp dịch vụ du lịch hàng không. Các lĩnh vực này không chỉ tạo ra nhiều cơ hội việc làm mà còn được coi là những động lực mới cho sự phát triển dài hạn của nền kinh tế Trung Quốc.

Về dự báo tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, trong tháng qua đã xuất hiện nhiều quan điểm trái chiều từ một số tổ chức quốc tế. Ngày 8/10, Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ đạt mức 4,8% trong năm 2024 và giảm xuống 4,3% vào năm 2025. Thêm vào đó, ngày 13/10, ngân hàng Goldman Sachs đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế cho năm 2024 lên 4,9%, cao hơn mức 4,7% trước đó và điều chỉnh tăng dự báo cho năm 2025 lên 4,7% so với mức 4,3% trước đó. Tuy nhiên, trong một quan điểm trái ngược, ngày 22/10, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) lại hạ dự báo tăng trưởng cho năm 2024 xuống còn 4,8%, so với mức 5% trước đó, trong khi giữ nguyên dự báo cho năm 2025 ở mức 4,5%. Theo đó, IMF cho rằng nền kinh tế Trung Quốc đang đối mặt với nhiều thách thức trong lĩnh vực bất động sản và niềm tin tiêu dùng yếu, mặc dù xuất khẩu ròng của Trung Quốc vẫn là một điểm sáng trong bức tranh kinh tế hiện tại.

**DỰ BÁO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG  
KINH TẾ TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2024 - 2025**



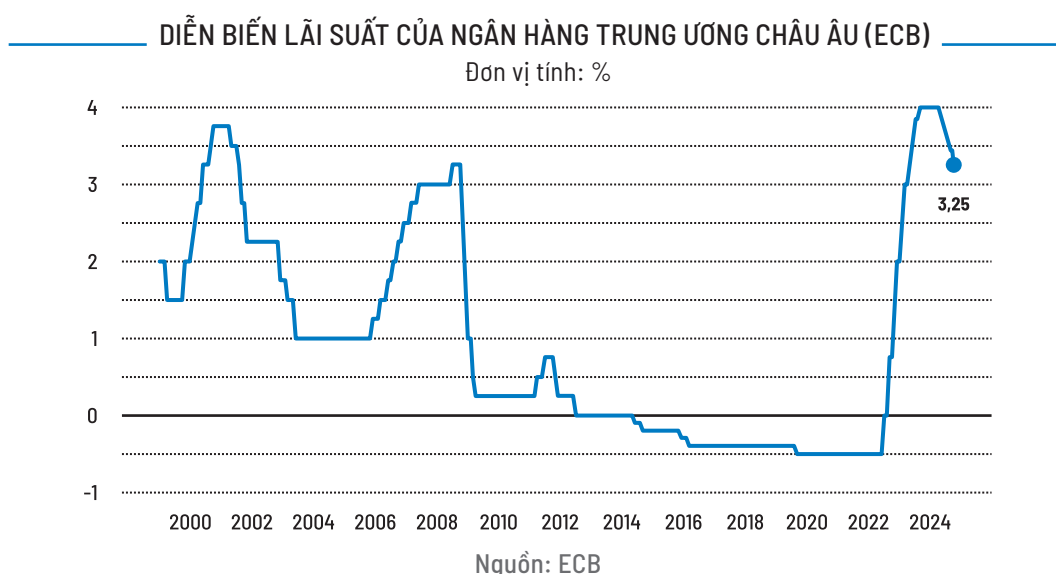
Nguồn: Vibiz tổng hợp

### ■ EU

**Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) sản xuất tháng 10/2024 đạt 46 điểm, tăng 01 điểm so với tháng 9/2024 (đạt 45 điểm).** Mặc dù vẫn thấp hơn ngưỡng 50,0 phân tách tăng trưởng với suy thoái, nhưng sự gia tăng trong chỉ số PMI cho thấy sự suy thoái trong ngành sản xuất của khu vực đồng euro đã giảm bớt. Tuy nhiên, con số dưới 50,0 của tháng 10 là tháng thứ hai mươi tám liên tiếp mà sức khỏe của nền kinh tế sản xuất hàng hóa xấu đi, đánh dấu sự suy thoái dài nhất kể từ khi dữ liệu khảo sát được thu thập lần đầu tiên vào năm 1997.

Bên cạnh đó, lạm phát tại Khu vực đồng tiền chung euro (Eurozone) đã tăng nhanh hơn dự báo, tăng từ 1,7% vào tháng 9 lên 2% trong tháng 10, nhưng lạm phát lõi (không tính giá năng lượng, thực phẩm, rượu và thuốc lá) vẫn ổn định ở mức 2,7% từ tháng 9. Giá thực phẩm và đồ uống tăng 2,9%, trong khi giá năng lượng giảm 4,6%, chậm hơn so với mức giảm của tháng trước.

Trước tình hình tăng trưởng kinh tế suy yếu, lạm phát gia tăng và niềm tin tiêu dùng giảm sút, ngày 17/10, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã hạ lãi suất chủ chốt từ 3,5% xuống 3,25%, báo hiệu sự thay đổi trọng tâm từ việc chống lạm phát sang kích thích tăng trưởng kinh tế cho khu vực Eurozone.



Ngoài ra, khu vực châu Âu đang đối mặt với một loạt thách thức kinh tế phức tạp. Một trong những khó khăn lớn là sự phân mảnh của thị trường nội địa, khiến việc hội nhập các doanh nghiệp từ các quốc gia thành viên trở nên khó khăn. Sự khác biệt về quy định và tiêu chuẩn giữa các quốc gia làm giảm tính cạnh tranh, gây cản trở cho sự phát triển các mô hình kinh doanh liên khu vực. Đồng thời, tình trạng thiếu hụt vốn hỗ trợ cho các doanh nghiệp mới và đổi mới sáng tạo cũng là một rào cản lớn, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao và sáng tạo. Thêm vào đó, sự thiếu hụt lao động có tay nghề ngày càng gia tăng, đặc biệt trong các ngành công nghệ và y tế. Các doanh nghiệp phải đối mặt với chi phí tuyển dụng và đào tạo cao hơn trong khi nhu cầu về kỹ năng thích ứng với công nghệ mới ngày càng lớn.

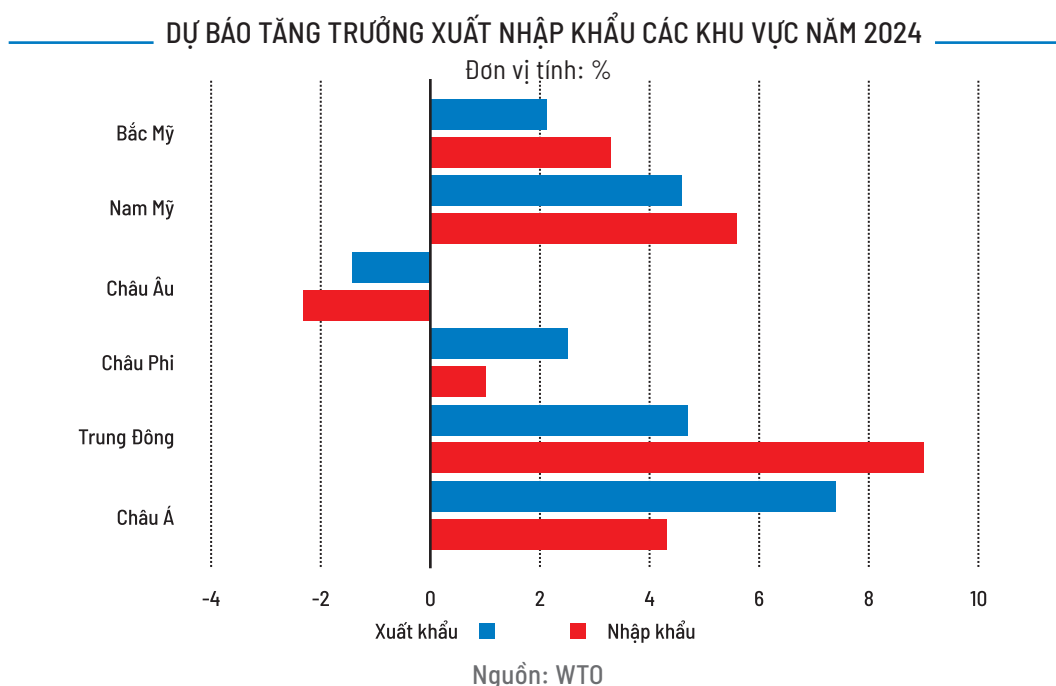
Trong bối cảnh kinh tế châu Âu có nhiều biến động khó lường, ngày 22/10, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã đưa ra dự báo rằng tăng trưởng kinh tế châu Âu sẽ duy trì ở mức thấp, do những thách thức kinh tế đang tiếp diễn trong khu vực. Theo IMF, khu vực đồng euro sẽ đạt mức tăng trưởng GDP khoảng 0,8% trong năm 2024, gấp đôi mức tăng trưởng 0,4% của năm 2023 nhưng giảm so với mức 0,9% mà IMF dự báo vào 3 tháng trước.



## 2. DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG

Trong tháng 10, các tổ chức lớn trên thế giới đã có những dự báo trái chiều về tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Trong đó, phần lớn là những quan điểm khá thận trọng, với mức dự báo dao động từ 2,7% đến 3,2% trong năm 2024, nhấn mạnh những thách thức lớn như xung đột địa chính trị, bảo hộ thương mại và sự phân hóa giữa các khu vực. Trong khi đó, dự báo về tăng trưởng thương mại lại có nhiều tín hiệu khá lạc quan.

Ngày 10/10, *Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)* đã nâng dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2024 lên 2,7%, so với dự báo tăng 2,6% vào tháng 4/2024. Theo WTO, đối với từng khu vực, nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa ở châu Á diễn ra mạnh mẽ hơn so với các khu vực khác trên thế giới. Cụ thể, khối lượng xuất khẩu và nhập khẩu ở châu Á lần lượt tăng 7,4% và 4,3% vào năm 2024; bắc Mỹ tăng 2,1% và tăng 3,3%; châu Âu dự kiến sẽ giảm 1,4% và giảm 2,3%...



Bên cạnh đó, ngày 22/10, *Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)* đã giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 và 2025 ở mức 3,2%, thấp hơn so với dự báo hồi tháng 7. Theo IMF, tăng trưởng kinh tế toàn cầu được kỳ vọng sẽ ổn định ở mức tăng thấp, với sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia và khu vực, do khó khăn mang tính cơ cấu như dân số già hóa và năng suất thấp cản trở tăng trưởng tại nhiều quốc gia.

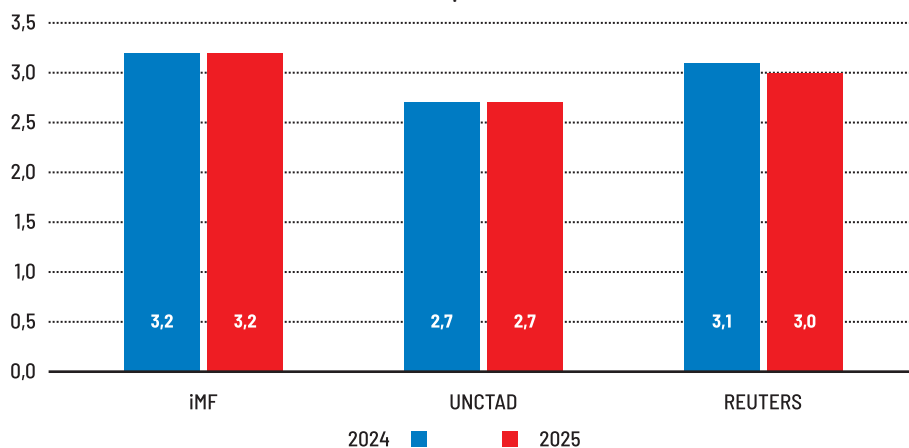
Với quan điểm kém lạc quan hơn, ngày 29/10, *Tổ chức Thương mại và Phát triển Liên hợp quốc (UNCTAD)* dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trì trệ ở mức 2,7% vào năm 2024 và 2025, đánh dấu mức giảm liên tục so với mức trung bình hằng năm 3% trong giai đoạn 2011-2019 và thấp hơn mức trung bình 4,4% trong những năm trước cuộc khủng hoảng tài chính 2008.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2024

Trái ngược quan điểm với IMF và UNCTAD, theo kết quả khảo sát của hãng tin Reuters với khoảng 500 nhà kinh tế, bao gồm 50 nền kinh tế quan trọng được thực hiện từ ngày 30/9-30/10, tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ duy trì tốc độ mạnh mẽ trong năm nay và năm 2025. Theo đó, *Reuters dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ đạt mức 3,1% trong năm nay*, cao hơn so với mức 2,9% đưa ra trong tháng 4/2024. Ngoài ra, *dự báo cho năm 2025 của Reuters cho thấy tăng trưởng sẽ duy trì ở mức 3%*, khi các ngân hàng trung ương lớn tiến hành cắt giảm lãi suất.

### DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2024 - 2025

Đơn vị tính: %



2024 ■ 2025

Nguồn: Vibiz tổng hợp



PHẦN II

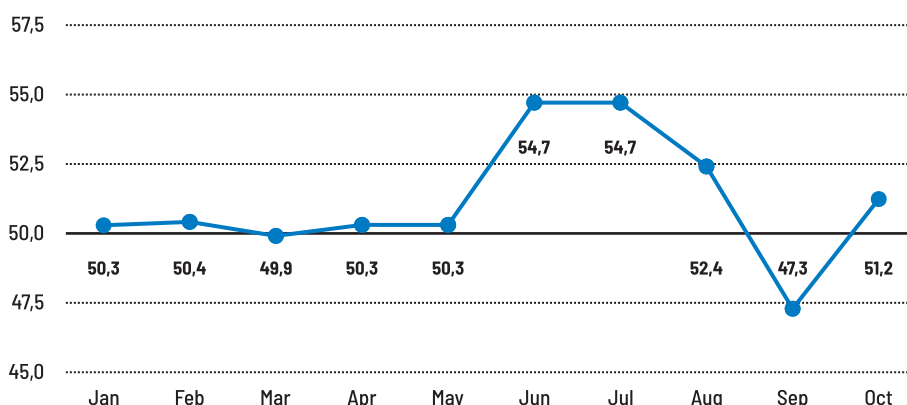
## KINH TẾ VIỆT NAM

### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM THÁNG 10/2024

#### 1.1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội

Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam đạt kết quả 51,2 điểm trong tháng 10/2024, tăng so với 47,3 điểm của tháng 9 và đã vượt lại lên trên ngưỡng 50 điểm sau khi chịu tình trạng gián đoạn do cơn bão Yagi gây ra trong tháng 9.

CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM TỪ THÁNG 1/2024 - 10/2024



Nguồn: S&P Global

#### 1.1.1. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tháng 10/2024 tiếp tục xu hướng tích cực, ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10/2024 tăng 4,0% so với tháng trước và tăng 7,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, so với cùng kỳ năm trước, ngành chế biến, chế tạo tăng 8,8%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,0%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,9%; riêng ngành khai khoáng giảm 10,4%.

Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, IIP ước tính tăng 8,3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 0,5%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6% (cùng kỳ năm 2023 tăng 0,5%), đóng góp 8,3 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 10,3%, đóng góp 0,9 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 9,5%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 7,2%, làm giảm 1,1 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

### 1.1.2. Xuất nhập khẩu

Trong tháng 10/2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 69,19 tỷ USD, tăng 5,1% so với tháng trước và tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 647,87 tỷ USD, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,9%; nhập khẩu tăng 16,8%.

#### ▪ Xuất khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 10/2024 sơ bộ đạt 35,59 tỷ USD, tăng 4,4% so với tháng trước và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 335,59 tỷ USD, tăng 14,9% so với cùng kỳ năm trước.

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 10 tháng đầu năm 2024 nhóm hàng công nghiệp chế biến sơ bộ đạt 295,23 tỷ USD, chiếm 88,0%.

#### ▪ Nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 10/2024 sơ bộ đạt 33,6 tỷ USD, tăng 5,8% so với tháng trước và tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 312,28 tỷ USD, tăng 16,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 113,58 tỷ USD, tăng 18,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 198,7 tỷ USD, tăng 15,8%.

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 10 tháng đầu năm 2024, nhóm hàng tư liệu sản xuất sơ bộ đạt 292,57 tỷ USD, chiếm 93,7%.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng 10/2024 sơ bộ xuất siêu 1,99 tỷ USD. Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa sơ bộ xuất siêu 23,31 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 24,8 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 19,61 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 42,92 tỷ USD.

### 1.1.3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Trong tháng 10/2024, cả nước có gần 14,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới tăng 26,5% so với tháng trước và giảm 9,8% so với cùng kỳ năm trước; có gần 8,7 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 33,5% và tăng 53,7%; có 5.454 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, tăng 28,8% và giảm 0,9%; 5.424 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 26,8% và tăng 10,7%; có 1.987 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 23,8% và tăng 34,3%.

Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, cả nước có hơn 202,3 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2023; bình quân một tháng có hơn 20,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 173,2 nghìn doanh nghiệp, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước; bình quân một tháng có 17,3 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

### 1.1.4. Hoạt động đầu tư

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành và địa phương tập trung đẩy mạnh thực hiện. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 10/2024 ước đạt 68,4 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 495,9 nghìn tỷ đồng, bằng 64,3% kế hoạch năm và tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 bằng 66,5% và tăng 24,6%).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/10/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 27,26 tỷ USD, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 10 tháng đầu năm 2024 ước đạt 19,58 tỷ USD, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước.

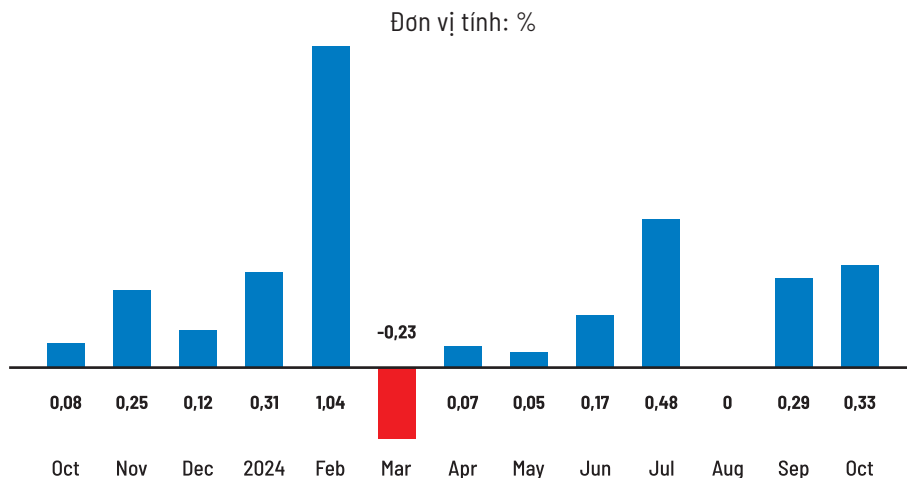
Năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã giao kế hoạch đầu tư công (ĐTC) vốn ngân sách nhà nước (NSNN) cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương là 657.349 tỷ đồng (bao gồm, vốn ngân sách trung ương (NSTW) là 225.000 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương (NSĐP) là 432.349 tỷ đồng). Trong khi đó, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 10 tháng đầu năm 2024 có 124 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 429,9 triệu USD, tăng 71,2% so với cùng kỳ năm trước; có 21 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 43,2 triệu USD, giảm 75,1%. Tính chung 10 tháng đầu năm 2024, tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 473,1 triệu USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước.

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công ước 10 tháng đầu năm 2024 của cả nước chỉ đạt 52,29% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thấp hơn cùng kỳ năm 2023 (56,74%). Mà mục tiêu tối thiểu cả năm phải giải ngân 95%, như vậy chỉ trong 2 tháng cuối năm sẽ giải ngân khoảng 40%. Như vậy chất lượng giải ngân có thể đoán được, nhưng tiền bơm vào nhiều thì cuối năm sẽ có tăng trưởng.

### 1.1.5. Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10/2024 tăng 0,33% so với tháng trước. So với tháng 12/2023, CPI tháng 10/2024 tăng 2,52% và so với cùng kỳ năm trước tăng 2,89%. Nguyên nhân chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm tiếp tục tăng bởi ảnh hưởng bởi mưa bão, giá xăng dầu trong nước tăng theo giá thế giới, giá nhà ở thuê tăng. Bình quân 10 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,78% so với cùng kỳ năm trước.

MỨC TĂNG/GIẢM CPI QUA CÁC THÁNG SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2024



Nguồn: Tổng cục Thống kê

## 1.2. Thị trường tài chính - tiền tệ

### 1.2.1. Tăng trưởng tín dụng

Trong tháng 10/2024, tăng trưởng tín dụng bất ngờ quay đầu sụt giảm sau khi có nhiều diễn biến tích cực trong những ngày cuối tháng 9/2024. Tính đến ngày 24/10, tín dụng đối với nền kinh tế tăng 6,81% so với cuối năm 2022, trong đó từ tháng 5 trở lại đây đã tăng nhanh hơn, tín dụng đối với doanh nghiệp đạt gần 6,5 triệu tỷ đồng, chiếm trên 50% dư nợ toàn nền kinh tế.

Nguyên nhân tín dụng vẫn tăng chậm chủ yếu xuất phát từ các yếu tố như: cầu tín dụng thấp do doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan (cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh, tiêu dùng giảm). Một số khách hàng có nhu cầu nhưng chưa được vay vốn do chưa đáp ứng điều kiện vay vốn, nhất là nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bên cạnh đó, tác động từ khả năng hấp thụ tín dụng của nhóm bất động sản vẫn còn yếu. Sau thời gian kinh tế gặp khó khăn, mức độ rủi ro bị đánh giá cao hơn, khi hoạt động của doanh nghiệp khó chứng minh hiệu quả (chi phí đầu vào, nguyên vật liệu nhập khẩu cao, thị trường đầu ra, đơn hàng, doanh thu giảm...).

Bên cạnh đó, các tổ chức tín dụng không thể hạ được chuẩn tín dụng do phải đảm bảo an toàn hệ thống, dư nợ cho vay đối với DNNN trong những năm gần đây có sự giảm sút về tốc độ, quy mô do ít phát sinh dự án lớn. Việc triển khai một số chương trình tín dụng đặc thù cũng còn một số khó khăn.

Trong bối cảnh hiện nay, sau khi nới lỏng chính sách tiền tệ và duy trì lãi suất thấp, Ngân hàng Nhà nước đang khuyến khích các ngân hàng thương mại tăng cường bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, góp phần khơi thông dòng vốn. Kết hợp với các biện pháp giữ lạm phát và tỷ giá ổn định, tăng trưởng tín dụng dự báo sẽ có sự bứt phá mạnh, đạt mục tiêu tăng trưởng 15% trong năm nay.

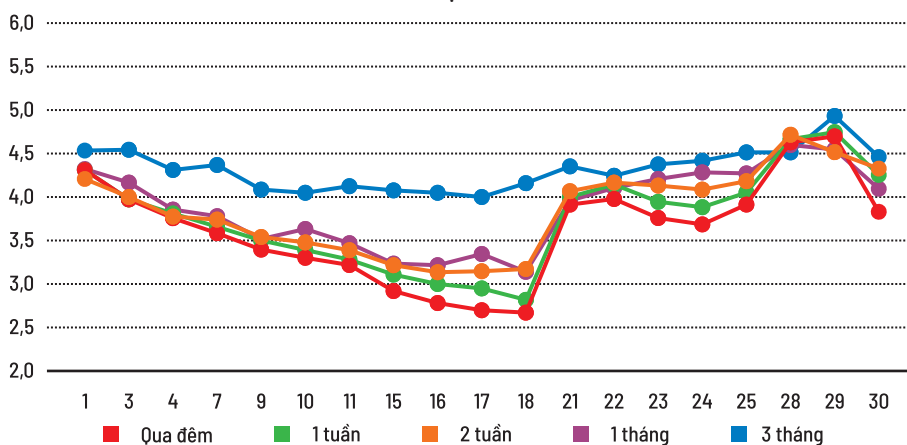


1.2.2. Lãi suất

Trong tháng 10/2024, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) áp dụng lãi suất tái chiết khấu ở mức 3%, lãi suất tái cấp vốn 4,5%. Bên cạnh đó, trong tháng qua, lãi suất trên thị trường liên ngân hàng cũng có một số biến động nhẹ. Từ đầu tháng đến giữa tháng, lãi suất giảm nhẹ, đặc biệt là lãi suất qua đêm và 1 tuần, từ mức khoảng 4,5% xuống dưới 3,5%. Đến giữa tháng, NHNN thực hiện các biện pháp hút thanh khoản qua thị trường mở, duy trì ổn định lãi suất. Tuy nhiên, đến cuối tháng, lãi suất tăng mạnh trở lại, do các ngân hàng chuẩn bị cho nhu cầu thanh khoản cuối tháng.

DIỄN BIẾN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG THÁNG 10/2024

Đơn vị tính: %



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Tính đến tháng 10/2024, tỷ lệ dự trữ bắt buộc do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với các loại tiền gửi vẫn không thay đổi so với những tháng trước. Cụ thể:

TỶ LỆ DỰ TRỮ BẮT BUỘC THÁNG 10/2024

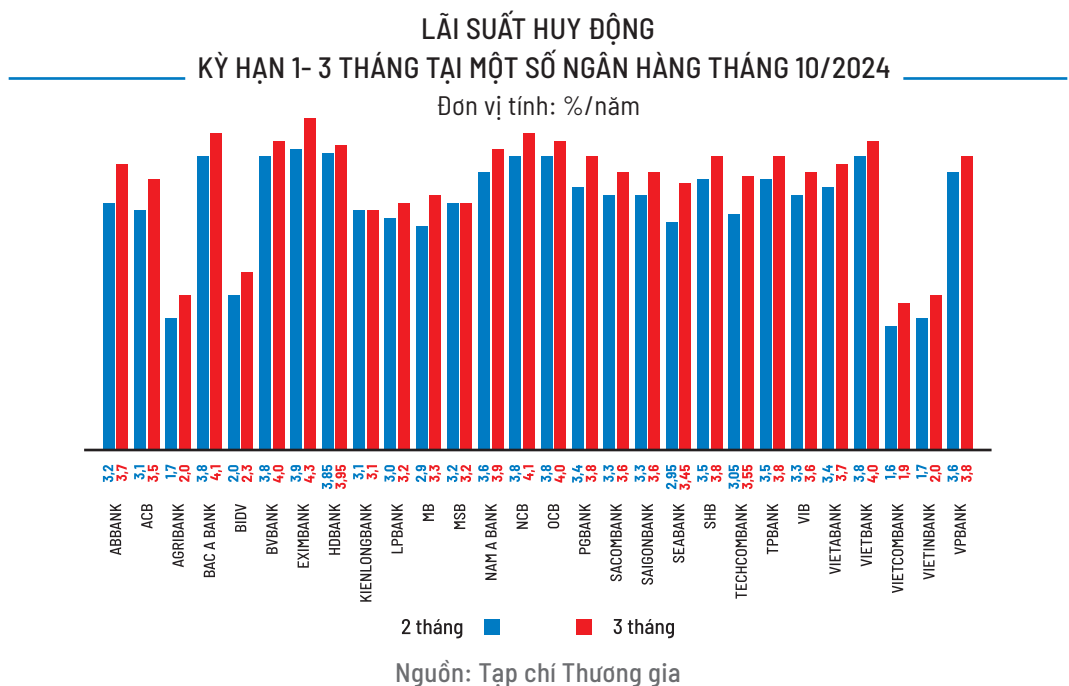
LOẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG	Tiền gửi VND		Tiền gửi ngoại tệ		
	Không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Tiền gửi của tổ chức tín dụng ở nước ngoài	Tiền gửi khác không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	Tiền gửi khác có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên
Quý tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô	0%	0%	0%	0%	0%
Ngân hàng chính sách	Theo quy định của Chính phủ				
Agribank; Ngân hàng hợp tác xã	3%	1%	1%	7%	5%
Tổ chức tín dụng khác	3%	1%	1%	8%	6%

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Đối với lãi suất huy động: Trong tháng 10/2024, đà tăng lãi suất huy động đã giảm mạnh, trong khi đó, số ngân hàng giảm lãi suất lại tăng lên. Cụ thể, đã có 6 ngân hàng quyết định giảm lãi suất tiền gửi, trong đó nổi bật là Agribank, Techcombank, NCB, VPBank, CB và LPBank. Đây là một dấu hiệu cho thấy các ngân hàng đang điều chỉnh chiến lược huy động vốn của mình để phù hợp với bối cảnh kinh tế hiện tại, cũng như nhu cầu của thị trường. Sự giảm lãi suất này có thể phản ánh sự thận trọng của các ngân hàng trong việc quản lý rủi ro và tối ưu hóa chi phí hoạt động, đặc biệt khi nền kinh tế vẫn đang phải đối mặt với nhiều thách thức.

Ngược lại, cũng có 8 ngân hàng đã tăng lãi suất trong cùng kỳ, cho thấy sự cạnh tranh mạnh mẽ giữa các tổ chức tín dụng nhằm thu hút vốn. Những ngân hàng như NCB, Agribank, Techcombank, MSB, LPBank, Eximbank, ABBank và Bac A Bank đã điều chỉnh lãi suất huy động để tạo ra sức hấp dẫn cho khách hàng. Sự gia tăng này có thể được hiểu như một động thái nhằm duy trì nguồn vốn ổn định, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu vay vốn có xu hướng tăng lên, đặc biệt từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

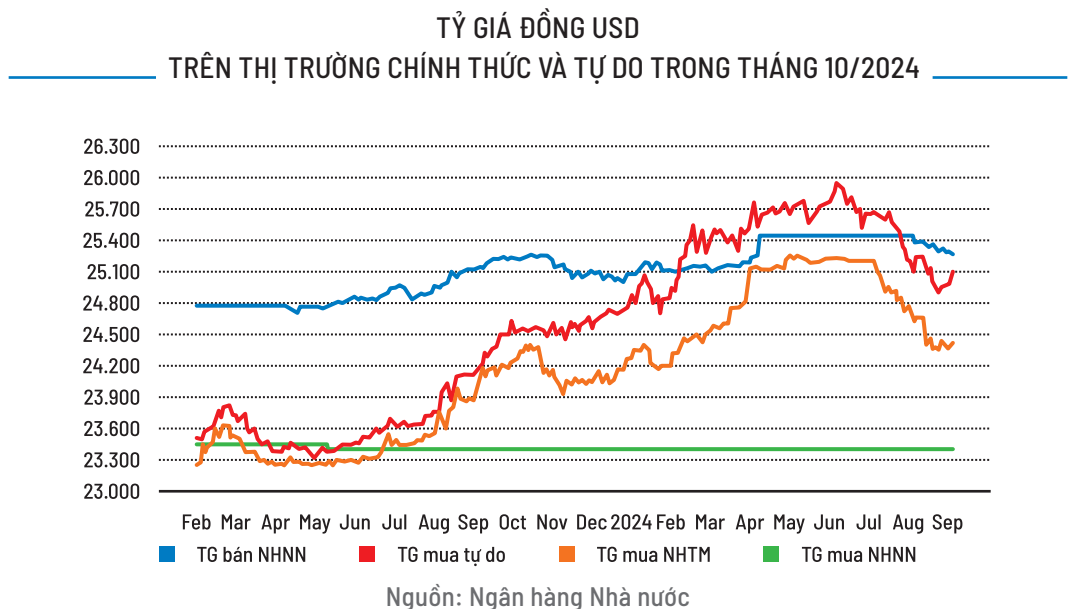
Lãi suất tiền gửi phổ biến ở mức 0,2 - 0,5%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 1,6 - 4,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 2,9 - 5,7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 4,6 - 6,2%/năm.



**1.2.3. Tỷ giá**

Trong tháng 10/2024, tỷ giá USD/VND đã tăng gần 3%, đẩy đà tăng giá USD so với VND lên mức hơn 4% kể từ đầu năm đến nay. Sự gia tăng này xuất phát từ nhiều yếu tố, bao gồm tình hình địa chính trị thế giới và nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu và trả nợ nước ngoài của khu vực tư nhân và Chính phủ tăng mạnh.

Bên cạnh đó, chỉ số giá đô la Mỹ tháng 10/2024 tăng 0,7% so với tháng trước, tăng 2,41% so với tháng 12/2023 và tăng 1,89% so với cùng kỳ năm trước, bình quân 10 tháng đầu năm 2024 tăng 5,1%. Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.050 VND/USD.



#### 1.2.4. Chứng khoán

Trong tháng 10/2024, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục trải qua một tháng trầm lắng, khi VN-Index dao động quanh ngưỡng 1.250 - 1.300 điểm và duy trì xu hướng giảm điểm.

Về thanh khoản và dòng tiền trong tháng 10/2024, thanh khoản có dấu hiệu cải thiện nhẹ nhưng chưa mạnh. Tổng giá trị giao dịch trong tháng 10 đạt 335 nghìn tỷ đồng, tăng gần 30% so với tháng trước đó. Tuy vậy, so với mức trung bình từ đầu năm, thanh khoản vẫn thấp hơn khá nhiều, điều này cho thấy dòng tiền mới vẫn chưa sẵn sàng trở lại và nhu cầu mua vào không đủ để hỗ trợ đà tăng.

Mặt khác, dòng tiền nước ngoài duy trì xu hướng bán ròng. Sau một tháng giảm nhiệt trong đà bán, nhà đầu tư nước ngoài lại quay trở lại bán ròng trong tháng 10 với tổng giá trị bán ròng hơn 8.000 tỷ đồng. Xu hướng này cho thấy sự e ngại của khối ngoại về các yếu tố vĩ mô và chính sách toàn cầu. Sự rút lui của dòng tiền ngoại tác động tiêu cực đến niềm tin thị trường trong nước, góp phần làm giảm kỳ vọng về sức tăng trưởng của VN-Index trong ngắn hạn.

Về diễn biến từng nhóm ngành chính, tháng 10/2024 không mang đến nhiều điểm sáng cho từng nhóm ngành cụ thể khi dòng tiền phân tán và thiếu một nhóm ngành dẫn dắt rõ rệt. Một số nhóm ngành đáng chú ý bao gồm: Nhóm cổ phiếu trụ bao gồm các mã VHM và MSN chịu ảnh hưởng tiêu cực từ các thông tin không mấy tích cực về việc mua cổ phiếu quỹ và phát hành thêm cổ phiếu không như kỳ vọng.

Những kỳ vọng chưa được đáp ứng này đã tạo áp lực giảm giá cho nhóm cổ phiếu trụ, gây ảnh hưởng xấu lên VN-Index. Bên cạnh đó, các nhóm ngành thép, bất động sản, bán lẻ vẫn chưa thể thoát khỏi sự ảm đạm. Các doanh nghiệp trong những lĩnh vực này đang đối mặt với nhiều khó khăn, bao gồm chi phí đầu vào tăng, lãi suất cao, và nhu cầu tiêu dùng suy giảm, khiến giá cổ phiếu không có sự hồi phục mạnh.

Ngoài ra, nhóm cổ phiếu dầu khí trên thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận diễn biến tích cực nhờ vào giá dầu thế giới duy trì ở mức cao. Các cổ phiếu chủ chốt trong ngành, như GAS, PVS và PVD, có sự tăng trưởng ổn định nhờ kỳ vọng vào nhu cầu năng lượng tăng và các dự án mới được triển khai. Tuy nhiên, sự tăng trưởng của nhóm cổ phiếu dầu khí vẫn chịu tác động từ dòng tiền đầu tư thận trọng và áp lực bán từ khối ngoại, khiến mức tăng chưa bền vững.

Trong tháng 11/2024 sẽ có hai sự kiện quốc tế quan trọng là cuộc bầu cử tổng thống Mỹ vào ngày 5/11 và quyết định lãi suất của Fed vào ngày 8/11, dự kiến sẽ tác động mạnh đến xu hướng thị trường chứng khoán trong và ngoài nước. Trong khi đó, trong nước, tháng 11 cũng có các sự kiện nổi bật như báo cáo kết quả kinh doanh quý III/2024 của các doanh nghiệp niêm yết và các hội nghị về chính sách tài chính - tiền tệ. Dự báo thị trường chứng khoán tháng 11/2024 sẽ diễn ra theo hai kịch bản:

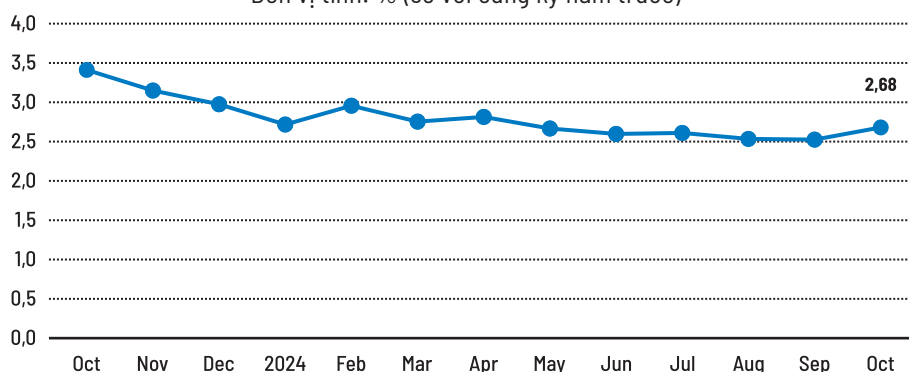
- **Kịch bản 1:** VN-Index tiếp tục đi ngang trong biên độ rộng quanh 1.250 - 1.300 điểm.
- **Kịch bản 2:** VN-Index bật lên vượt ngưỡng 1.300 điểm nếu dòng tiền cải thiện và các yếu tố hỗ trợ tích cực từ bên ngoài được củng cố.

### 1.2.5. Lạm phát

Lạm phát cơ bản tháng 10/2024 tăng 0,23% so với tháng trước, tăng 2,68% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 10 tháng đầu năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,69% so với cùng kỳ năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,78%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế và xăng dầu là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

#### DIỄN BIẾN LẠM PHÁT CƠ BẢN ĐẾN THÁNG 10/2024

Đơn vị tính: % (so với cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

## 2. DỰ BÁO KINH TẾ VIỆT NAM

### 2.1. Về chủ trương, chính sách

#### ▪ *Ban hành Nghị định mới quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí*

Ngày 15/10/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 132/2024/NĐ-CP quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí. Nghị định đưa ra nhiều quy định cụ thể về việc đầu tư ra nước ngoài đối với các dự án dầu khí, bao gồm thủ tục cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các biện pháp quản lý vốn đầu tư. Nghị định 132/2024/NĐ-CP áp dụng đối với nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí. Hoạt động dầu khí ở nước ngoài gồm hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí, phát triển mỏ dầu khí, khai thác dầu khí, thu dọn công trình dầu khí và các hoạt động liên quan khác được thực hiện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, hợp đồng dầu khí hoặc giấy phép. Trong đó:

#### ▪ *Một công ty điều hành có thể quản lý một hoặc nhiều dự án dầu khí ở nước ngoài*

Theo Nghị định quy định, để thực hiện hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài ngăn triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài, nhà đầu tư được phép thành lập hoặc tham gia thành lập công ty điều hành tại Việt Nam, tại nước tiếp nhận đầu tư hoặc tại nước thứ ba theo quy định pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư, hợp đồng dầu khí.

Trường hợp nhà đầu tư quyết định thành lập công ty điều hành nhằm mục đích thay mặt nhà đầu tư tham gia hoặc triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài, công ty điều hành và nhà đầu tư sẽ được ghi tên trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Công ty điều hành được sử dụng giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để phục vụ các hoạt động liên quan đến triển khai dự án dầu khí.

Nhà đầu tư có thể sử dụng một công ty điều hành để quản lý, điều hành một hoặc nhiều dự án dầu khí ở nước ngoài phù hợp với quy định của nước tiếp nhận đầu tư. Chi phí đối với từng dự án dầu khí phải được phân bổ, hạch toán độc lập.

Nghị định cũng quy định rõ việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài; các nguyên tắc chuyển ngoại tệ ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; hướng dẫn hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch ngoại hối sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; hồ sơ đăng ký/ thông báo khi thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan.

#### ▪ *Huy động vốn cho dự án dầu khí ở nước ngoài và bảo lãnh vay vốn thực hiện dự án*

Theo Nghị định, Nhà đầu tư Việt Nam được ủy quyền cho công ty điều hành huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng (nước ngoài hoặc trong nước) để thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài tương ứng với tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư trong dự án phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với các dự án dầu khí ở nước ngoài có thành lập công ty điều hành và trường hợp các tổ chức tài chính, tín dụng có yêu cầu về cầm cố, thế chấp tài sản dự án cho khoản vay, nhà đầu tư được thực hiện các thủ tục pháp lý để công ty điều hành thực hiện các khoản vay này.

Trường hợp các tổ chức tài chính, tín dụng có yêu cầu bảo lãnh của các nhà đầu tư, nhà đầu tư Việt Nam thực hiện việc bảo lãnh tương ứng với tỷ lệ tham gia đầu tư của nhà đầu tư trong dự án phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

▪ ***Chuyển nhượng dự án dầu khí ở nước ngoài***

Nghị định nêu rõ, nhà đầu tư được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án dầu khí ở nước ngoài phù hợp quy định của hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép liên quan, pháp luật nước tiếp nhận đầu tư và các quốc gia có liên quan và quy định tại Nghị định này. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án dầu khí ở nước ngoài là cấp có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng dự án.

Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án dầu khí ở nước ngoài cho nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 63 Luật Đầu tư. Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án dầu khí ở nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo quy định tại Điều 64 Luật Đầu tư.

Trường hợp việc chuyển nhượng dự án dầu khí ở nước ngoài phát sinh lợi nhuận, nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật có liên quan và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ.

▪ ***Ổn định chính sách đối với người lao động tham gia thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài***

Nghị định quy định rõ, trường hợp người lao động được nhà đầu tư cử làm việc thường xuyên tại các tổ chức triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài theo thỏa thuận bằng văn bản giữa nhà đầu tư với các đối tác mà tiền lương, tiền thưởng và các chế độ phụ cấp, bảo hiểm được tính vào chi phí tính thuế của dự án dầu khí ở nước ngoài trước khi chuyển cho nhà đầu tư để chi trả cho người lao động thì người lao động được đảm bảo chế độ tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp theo quy định của hợp đồng lao động và các thỏa thuận với nhà đầu tư (người sử dụng lao động). Nhà đầu tư được sử dụng bảng lương ngoại tệ áp dụng đối với người lao động và làm cơ sở để thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tể, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản đóng góp xã hội bắt buộc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Đối với trường hợp người lao động được nhà đầu tư cử làm việc thường xuyên tại các tổ chức triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài mà các chế độ phụ cấp, bảo hiểm bắt buộc phải đóng theo quy định của pháp luật Việt Nam mà không được tính vào chi phí tính thuế của dự án dầu khí ở nước ngoài, nhà đầu tư được trích nộp từ chi



phí sản xuất kinh doanh của mình và người lao động đóng góp từ thu nhập cá nhân để thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản đóng góp xã hội bắt buộc khác cho người lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/12/2024 và thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 15/11/2017 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

▪ **Đề xuất bỏ quy định mua bán xăng dầu giữa các thương nhân phân phối xăng dầu với nhau, hướng tới loại bỏ số liệu “ảo” trong kinh doanh xăng dầu**

Bộ Công Thương đang lấy ý kiến về dự thảo Nghị định mới, đề xuất bỏ quy định mua bán xăng dầu giữa các thương nhân phân phối xăng dầu với nhau, loại bỏ số liệu “ảo” về lượng xăng dầu tiêu thụ trên thị trường. Dự thảo hướng tới minh bạch hóa hoạt động kinh doanh xăng dầu, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và giảm khâu trung gian, qua đó hài hòa lợi ích giữa người tiêu dùng và doanh nghiệp, đồng thời tăng cường quản lý theo cơ chế thị trường dưới sự giám sát của nhà nước. Một số điểm mới trong dự thảo Nghị định gồm:

**Cơ chế điều hành giá xăng dầu:** Dự thảo Nghị định đưa ra công thức giá bán xăng dầu để doanh nghiệp tự tính toán giá, quy định nhà nước công bố các yếu tố hình thành giá để doanh nghiệp tự quyết định giá, thực hiện kê khai giá và gửi văn bản kê khai giá, thông báo giá về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giám sát.

**Bình ổn giá xăng dầu:** Dự thảo quy định việc bình ổn giá xăng dầu thực hiện theo quy định tại Luật Giá năm 2023 (có hiệu lực từ ngày 1/7/2024) do Luật Giá đã quy định rõ danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, các trường hợp bình ổn và biện pháp thực hiện bình ổn giá.

**Bổ sung điều kiện đối với thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu:** Thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu phải có thời gian làm thương nhân phân phối xăng dầu trong thời hạn ít nhất 36 tháng để thương nhân có kinh nghiệm trong kinh doanh xăng dầu; Thực hiện việc kết nối mạng với Bộ Công Thương về dữ liệu kho chứa xăng dầu, tình hình thực hiện tổng nguồn xăng dầu... để kiểm soát cung cầu xăng dầu trên thị trường; Có trách nhiệm thực hiện tổng nguồn xăng dầu tối thiểu 100.000 m<sup>3</sup>, tấn xăng dầu trong một năm.

**Đối với thương nhân phân phối xăng dầu:** Dự thảo Nghị định bỏ quy định thương nhân phân phối xăng dầu phải dự trữ lưu thông xăng dầu 5 ngày; bỏ điều kiện về kho chứa xăng dầu, phòng thử nghiệm chất lượng xăng dầu.

Ngoài ra, để tránh việc mua bán lòng vòng, tạo nhiều tầng nấc trung gian, dự thảo Nghị định quy định thương nhân phân phối xăng dầu không được mua bán xăng dầu của nhau, chỉ được mua xăng dầu từ thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu (là doanh nghiệp có trách nhiệm đảm bảo nguồn cung xăng dầu cho thị trường).

Dự thảo Nghị định bỏ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ xăng dầu do qua rà soát, Luật Đầu tư không có quy định kinh doanh dịch vụ xăng dầu là ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

**Dự trữ lưu thông xăng dầu:** Quy định hiện hành về dự trữ lưu thông chưa được rõ ràng, cụ thể dẫn tới lúng túng trong thực hiện. Dự thảo Nghị định đã quy định rõ ràng hơn về dự trữ lưu thông xăng dầu so với trước đây.

**Cải cách hành chính:** Dự thảo Nghị định mới đã bỏ điều kiện về chứng chỉ nghiệp vụ về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường. Thương nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh. Bỏ điều kiện quy định về sở hữu hoặc thuê phương tiện vận tải xăng dầu do trên thực tế, việc vận chuyển xăng dầu là công đoạn tất yếu khi doanh nghiệp đưa xăng dầu lưu thông. Bỏ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thành phần hồ sơ để nghị cấp Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận đủ điều kiện.

Dự thảo mới cũng không quy định về việc sử dụng biển hiệu, thương hiệu. Thay vào đó, dự thảo Nghị định quy định theo hướng các doanh nghiệp tự thỏa thuận việc sử dụng biển hiệu, thương hiệu với nhau và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

### ■ **VCCI đề nghị cân nhắc điều chỉnh quy định về thủ tục đại lý bán lẻ xăng dầu**

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) đã gửi văn bản góp ý cho Bộ Công Thương về Dự thảo Thông tư sửa đổi các quy định kinh doanh xăng dầu. Theo Dự thảo, nếu đại lý bán lẻ muốn thay đổi nhà cung cấp trong trường hợp nhập hàng từ ba nguồn thì phải thanh lý hợp đồng với các nhà cung cấp hiện tại.

VCCI cho rằng quy định này không hợp lý và thiếu minh bạch vì có thể dẫn đến việc nhà cung cấp gây khó khăn cho đại lý bằng cách không hợp tác trong việc ký thanh lý hợp đồng, khiến đại lý không thể tự do thay đổi nguồn cung theo ý muốn. Điều này đi ngược lại với tinh thần của Nghị định 80/2023/NĐ-CP, vốn khuyến khích tăng tính cạnh tranh trên thị trường xăng dầu và bảo vệ quyền lợi của các đại lý bán lẻ.

Ngoài ra, quy định yêu cầu thanh lý hợp đồng với “các bên giao đại lý hiện tại” cũng gây khó hiểu, vì có thể khiến đại lý phải thanh lý hợp đồng với tất cả các nhà cung cấp cũ trước khi ký hợp đồng mới. Điều này cũng gây mơ hồ về việc liệu đại lý có cần xuất trình văn bản thanh lý hợp đồng khi điều chỉnh Giấy phép kinh doanh xăng dầu hay không.

VCCI đề xuất bỏ quy định thanh lý hợp đồng trước khi thay đổi nhà cung cấp và cho phép đại lý tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ nhập hàng tối đa từ ba nguồn, trong khi cơ quan Nhà nước sẽ hậu kiểm các trường hợp vi phạm.

## 2.2. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Trong tháng 10/2024, phần lớn các tổ chức trong nước và quốc tế đã nâng triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024 so với dự báo trước đó, sau khi GDP quý III/2024 được công bố đạt 7,4%, cao hơn dự kiến.

Ngày 8/10, Ngân hàng Thế giới (WB) đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2024 lên mức 6,1% và tăng lên mức 6,5% sang năm 2025, mức này cao hơn lần lượt 5,5% và 6,0% trong dự báo của WB vào tháng 4/2024.

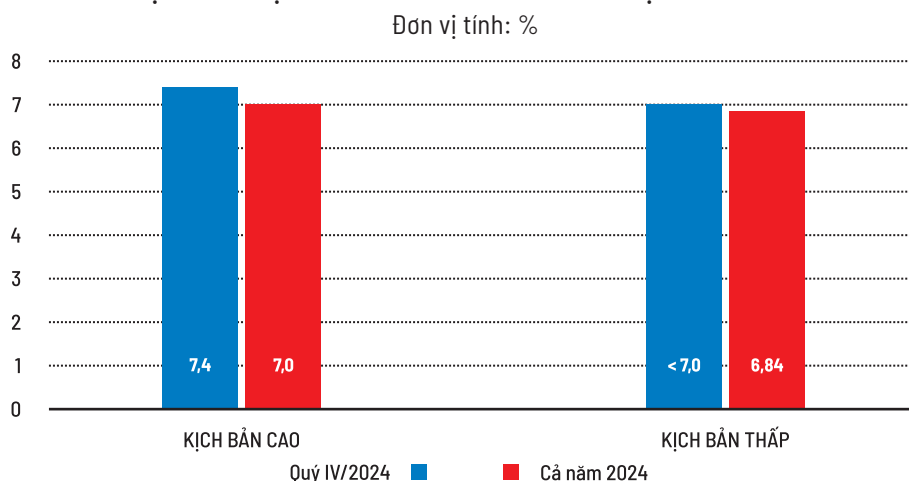
Cùng ngày, Ngân hàng United Overseas Bank (UOB) cũng đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam cho cả năm 2024 lên 6,4% và kỳ vọng đạt 6,6% vào năm 2025 nhờ tác động của chính sách nới lỏng từ Fed và các biện pháp kích thích kinh tế của Trung Quốc.

Cùng chung nhận định lạc quan với WB, UOB về dự báo về tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024, ngày 11/10, Ngân hàng Hong Kong and Shanghai Banking (HSBC) đã nâng dự báo GDP cho năm 2024 lên 7%, kỳ vọng sự phục hồi sẽ mạnh mẽ hơn và mở rộng thêm ra các lĩnh vực trong những quý tới, trong khi vẫn giữ mức 6,5% cho năm 2025.

Bên cạnh đó, ngày 15/10, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) đưa ra 2 kịch bản tăng trưởng kinh tế:

- **Kịch bản thấp:** tăng trưởng quý IV/2024 sẽ dưới mức 7%, kết hợp với độ lệch dự báo tăng trưởng của các tổ chức quốc tế, VEPR dự báo tăng trưởng GDP cả năm 2024 sẽ dao động mức từ 6,84%.
- **Kịch bản cao:** tăng trưởng sẽ quý IV/2024 sẽ đi ngang với mức 7,4%, tăng trưởng GDP cả năm 2024 dự kiến sẽ đạt 7% nhờ vào sự phục hồi vững chắc của các yếu tố tổng cầu và tổng cung, kết hợp với việc kiểm soát lạm phát và ổn định tỷ giá.

HAI KỊCH BẢN DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM CỦA VEPR



Nguồn: VEPR

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2024

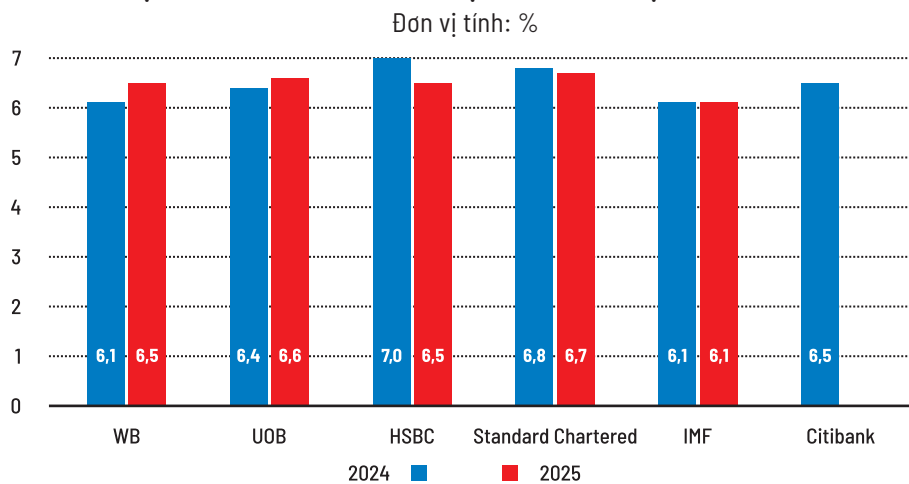
Tuy nhiên, cũng theo VEPR, Việt Nam vẫn đối diện với nhiều thách thức đến từ nhu cầu tiêu dùng nội địa, việc giải ngân đầu tư công chậm và biến động địa chính trị và căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc. Để đạt được con số cao nhất là 7% này, VEPR cho rằng Việt Nam cần phối hợp chặt chẽ giữa các chính sách vĩ mô và cải cách, đồng thời tháo gỡ những điểm nghẽn về đầu tư công và môi trường kinh doanh.

Ngày 18/10, Ngân hàng *Standard Chartered* nâng dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Việt Nam lên 6,8%. Đối với năm 2025, *Standard Chartered* vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng ở mức 6,7%, với tốc độ dự kiến tăng trưởng 7,5% trong nửa đầu năm và chậm lại ở mức 6,1% trong nửa cuối năm so với cùng kỳ năm trước.

Tiếp nối chuỗi những dự báo tích cực, ngày 22/10, *Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)* cũng nâng dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam lên 6,1% cho năm 2024, cao hơn so với mức dự báo 5,8% trong báo cáo tháng 4. Tuy nhiên, *IMF* đã điều chỉnh giảm dự báo GDP năm 2025 từ mức tăng 6,5% trong báo cáo trước đó xuống còn 6,1% trong báo cáo tháng này.

Ngoài ra, trong tháng 10 qua, Ngân hàng *Citibank* cũng dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2024 có thể vượt mức 6,5%, nhỉnh hơn so với dự báo trước đó là 6,3%.

### DỰ BÁO TĂNG TRƯỞNG GDP VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2024 -2025



Nguồn: Vibiz tổng hợp



## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG VÀ DỰ BÁO

### 1. THỊ TRƯỜNG DẦU THÔ

#### 1.1. Thông tin trong kỳ

##### 1.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

###### ▪ *Cung dầu mỏ:*

Nguồn cung dầu toàn cầu trong tháng 10 ghi nhận nhiều biến động, khi các yếu tố địa chính trị cùng sự gia tăng xuất khẩu từ các quốc gia lớn đã tác động mạnh mẽ đến thị trường.

Việc Libya xuất khẩu dầu trở lại sau cuộc khủng hoảng chính trị đã tạo ra tình trạng dư thừa nguồn cung dầu thô ở châu Âu, làm suy yếu giá của các loại dầu thô cạnh tranh trên thị trường.

Bên cạnh đó, Nga cũng gia tăng xuất khẩu dầu thô bằng đường biển lên mức cao nhất trong ba tháng qua, do công suất xử lý dầu thô trong nước giảm trong mùa bảo trì nhà máy lọc dầu.

Venezuela cũng ghi nhận mức tăng xuất khẩu mạnh mẽ, đạt gần 950.000 thùng/ngày, mức cao nhất trong bốn năm qua. Sự tăng trưởng này nhờ vào sản lượng dầu thô tăng cao và sự đẩy mạnh bán hàng sang các thị trường trọng điểm như Hoa Kỳ và Ấn Độ. Tuy nhiên, lượng dầu xuất khẩu của Venezuela sang Trung Quốc, khách hàng lớn nhất của nước này đã giảm nhẹ, xuống còn 385.300 thùng/ngày so với mức trung bình 451.500 thùng/ngày trong tháng 9.

Ngoài ra, nguồn cung dầu trên thị trường cũng tăng đáng kể nhờ sự đóng góp tích cực từ OPEC. Sản lượng của khối đạt 26,33 triệu thùng/ngày, tăng thêm 195.000 thùng/ngày so với tháng trước. Sự phục hồi này chủ yếu nhờ vào việc Libya tạm thời khắc phục được các vấn đề sản xuất, góp phần làm tăng nguồn cung chung.

Trong khi đó, xuất khẩu dầu thô của Iran đã giảm mạnh khi nước này chuẩn bị đối phó với các phản ứng quốc tế sau cuộc tấn công tên lửa vào Israel.

###### ▪ *Cầu dầu mỏ:*

Nhu cầu dầu mỏ trên toàn cầu trong tháng 10 có xu hướng phân hóa rõ rệt giữa các khu vực, với sự gia tăng mạnh mẽ ở các thị trường mới nổi như Ấn Độ và Venezuela, trong khi châu Âu và Trung Quốc ghi nhận mức tăng trưởng chậm do các yếu tố kinh tế và chính trị.

## BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2024

Trong tháng qua, chính phủ Hoa Kỳ đã công bố kế hoạch mua thêm 3 triệu thùng dầu để bổ sung Dự trữ Dầu mỏ Chiến lược (SPR) nhằm đối phó với tình hình cung ứng dầu tương lai.

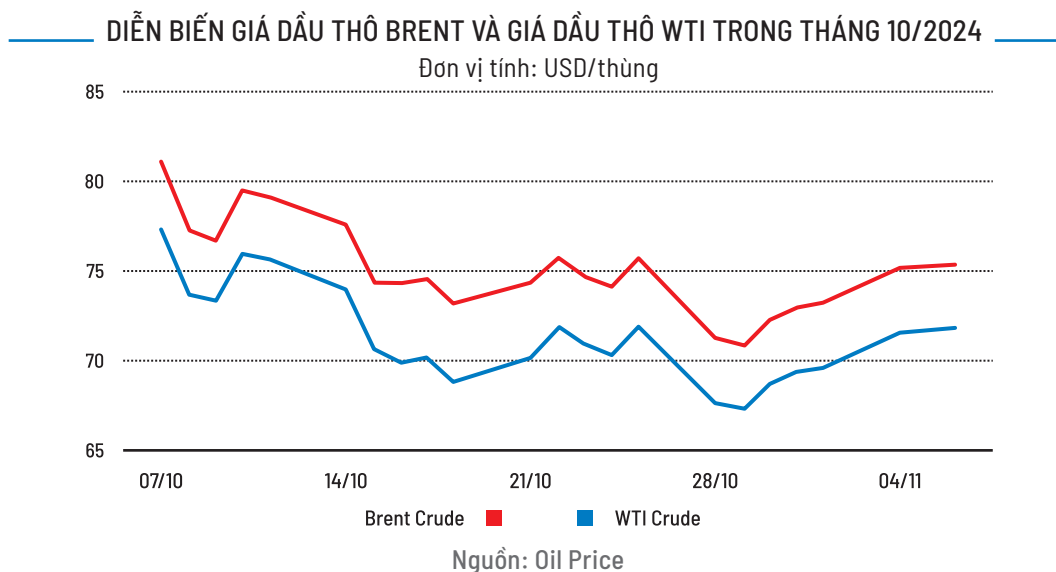
Đồng thời, nhu cầu dầu tại Ấn Độ, quốc gia nhập khẩu dầu lớn thứ ba thế giới cũng tiếp tục tăng cao do các ngành công nghiệp chủ chốt, đặc biệt là vận tải và hóa dầu, đã thúc đẩy tiêu thụ năng lượng trong nước, trong khi sự gia tăng dân số và đô thị hóa cũng tạo ra nhu cầu năng lượng ngày càng cao.

Trong khi đó, Trung Quốc vẫn duy trì nhu cầu dầu thô lớn, nhưng tốc độ tăng trưởng có phần chậm lại do những khó khăn trong phục hồi kinh tế.

Tại châu Âu, các yếu tố suy thoái kinh tế và giá năng lượng cao đã khiến nhu cầu tiêu thụ dầu giảm sút, khi người tiêu dùng và doanh nghiệp phải cắt giảm chi phí.

### ▪ *Diễn biến giá:*

Trong tháng 10, giá dầu đã có nhiều biến động do ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, bao gồm căng thẳng tại Trung Đông, mùa đông khắc nghiệt ở châu Âu và các biện pháp điều chỉnh sản lượng của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và các đồng minh (OPEC+). Đầu tháng, giá dầu có xu hướng tăng mạnh do lo ngại rằng các quốc gia sản xuất lớn như Ả Rập Xê Út và Nga sẽ cắt giảm sản lượng, cùng với những bất ổn tại Trung Đông có thể ảnh hưởng đến nguồn cung. Tuy nhiên, vào cuối tháng, giá dầu lại có xu hướng giảm xuống khi OPEC+ thực hiện các biện pháp ổn định thị trường và nguồn cung từ các kho dự trữ chiến lược của Mỹ và Trung Quốc gia tăng, giúp xoa dịu lo ngại về tình trạng thiếu hụt.



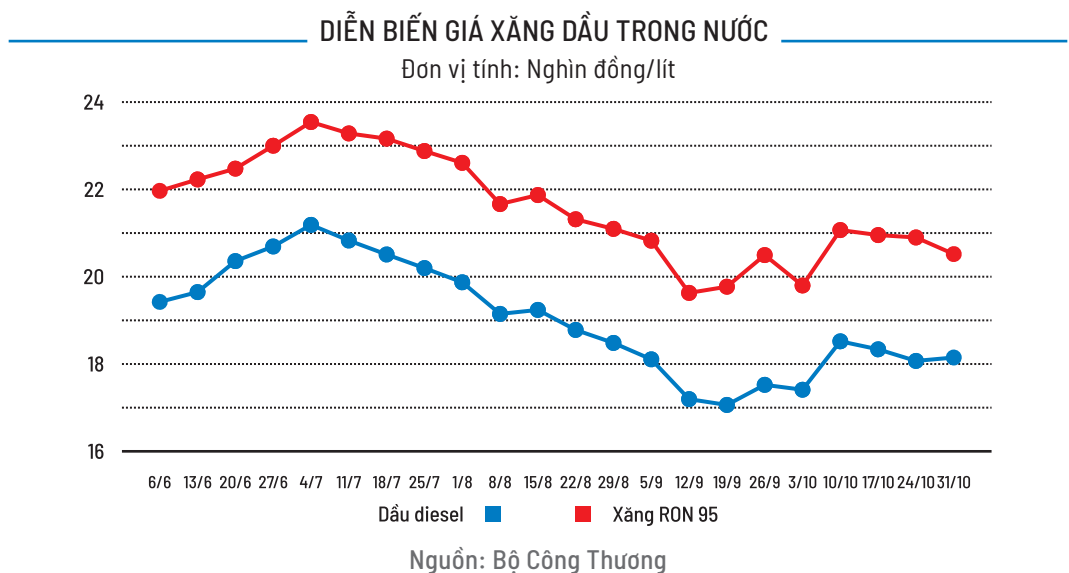


1.1.2. Thị trường trong nước

Tình hình cung ứng xăng dầu trong nước tiếp tục được duy trì ổn định nhờ vào sự phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp đầu mối và hệ thống phân phối xăng dầu. Tuy nhiên, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong tháng 10 có sự phân hóa rõ rệt giữa các khu vực và ngành nghề. Các doanh nghiệp vận tải và sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì mức tiêu thụ ổn định, trong khi nhu cầu xăng dầu ở các khu vực nông thôn và du lịch giảm nhẹ do ảnh hưởng của tình hình kinh tế trong nước. Dù vậy, các doanh nghiệp cung ứng xăng dầu trong nước vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nguồn cung từ các thị trường quốc tế, đặc biệt là từ Singapore và Hàn Quốc. Do đó, sự biến động bất thường của giá dầu thô thế giới trong tháng qua đã khiến các doanh nghiệp đầu mối gặp khó khăn trong việc cân đối lợi nhuận và giá thành.

Ngoài ra, mức chiết khấu của các sản phẩm xăng dầu tại các đại lý trong nước cũng khá tương đồng, đặc biệt tại khu vực miền Bắc. Mức chiết khấu trong tháng qua dao động từ 1.200 đồng đến 1.600 đồng/lít tùy vào loại sản phẩm, trong đó, dầu luôn có mức chiết khấu cao nhất và xăng RON 95 - III có mức chiết khấu cao hơn xăng E5.

Trong tháng 10, giá dầu diezen tăng 2,27% và giá xăng trong nước cũng tăng 0,98% so với tháng trước do các đợt điều chỉnh giá. Tính từ đầu năm 2024 đến nay, giá xăng trong nước đã trải qua tổng cộng 44 phiên điều chỉnh, trong đó có 23 phiên giảm, 18 phiên tăng và 3 phiên có sự thay đổi trái chiều.



### 1.2. Dự báo

#### 1.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

##### ▪ *Cung dầu mỏ:*

Ngày 15/10, *Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA) dự báo thị trường dầu mỏ toàn cầu sẽ phải đối mặt với tình trạng dư thừa nguồn cung đáng kể trong năm tới.* Điều này xuất phát từ sự gia tăng mạnh mẽ nguồn cung dầu từ các quốc gia ngoài Tổ chức xuất khẩu dầu mỏ (OPEC), dự kiến sẽ đạt mức 1,5 triệu thùng/ngày trong năm nay và năm tới. Các quốc gia như Mỹ, Brazil, Guyana và Canada là những đóng góp chính cho mức tăng trưởng này, khi mà sản lượng dầu từ các khu vực này đang có xu hướng tăng trưởng vượt bậc. Việc gia tăng nguồn cung đồng thời với sự giảm tốc của nhu cầu dầu, nhất là trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, khiến IEA dự báo rằng thị trường dầu sẽ quay lại tình trạng thặng dư đáng kể vào năm 2025.

Bên cạnh đó, IEA cũng dự báo rằng nguồn cung dầu vẫn sẽ ổn định, mặc dù có những lo ngại về sự gián đoạn nguồn cung từ khu vực Trung Đông, đặc biệt là từ các xung đột tiềm tàng.

Nếu tình trạng căng thẳng giữa Israel và Iran kéo dài và hai bên có thể tấn công các cơ sở năng lượng của nhau, điều này sẽ tạo ra những bất ổn lớn đối với nguồn cung dầu toàn cầu trong tương lai. Ngoài ra, trong bối cảnh cuộc xung đột leo thang, nguy cơ gián đoạn các tuyến đường vận chuyển dầu qua eo biển Hormuz, nơi qua lại của một lượng lớn dầu mỏ xuất khẩu từ Trung Đông ra thế giới, bất kỳ sự gián đoạn nào tại khu vực này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung dầu toàn cầu. Dù hiện tại thị trường dầu mỏ đang có xu hướng dư thừa nguồn cung, nhưng những căng thẳng địa chính trị như thế này có thể nhanh chóng đảo ngược xu hướng đó. Sự gián đoạn trong các tuyến vận chuyển dầu không chỉ làm tăng giá dầu mà còn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến các quốc gia phụ thuộc vào nguồn dầu mỏ từ khu vực Trung Đông.

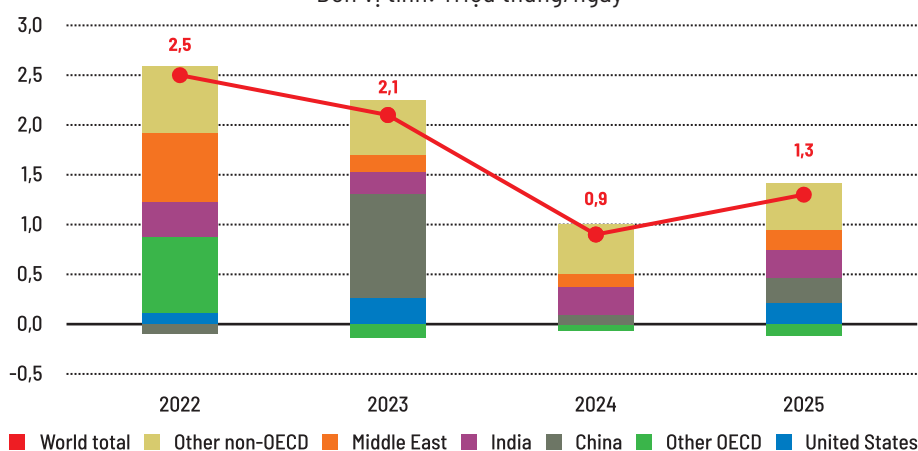
##### ▪ *Cầu dầu mỏ:*

Trong tháng 10, mặc dù các tổ chức như Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC), Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) và Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đều dự báo nhu cầu dầu sẽ tăng trong những năm tới, nhưng mức tăng trưởng lại thấp hơn so với các dự báo trước đó.

Ngày 8/10, *Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu trong năm tới, giảm xuống còn 1,3 triệu thùng mỗi ngày vào năm 2025,* thấp hơn so với dự báo trước đó. Sự điều chỉnh này chủ yếu do tiêu thụ dầu ở các nền kinh tế phát triển thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo sẽ yếu hơn, đặc biệt là ở Mỹ và Canada, nơi tăng trưởng sản xuất và sản xuất công nghiệp được kỳ vọng sẽ chậm lại. Trong khi đó, nhu cầu dầu từ các quốc gia không thuộc OECD lại dự báo sẽ tăng mạnh, với mức tiêu thụ nhiên liệu lỏng dự kiến tăng 1 triệu thùng/ngày vào năm 2024 và 1,2 triệu thùng/ngày vào năm 2025.

THAY ĐỔI HÀNG NĂM VỀ TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU LỎNG TRÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày



Nguồn: EIA

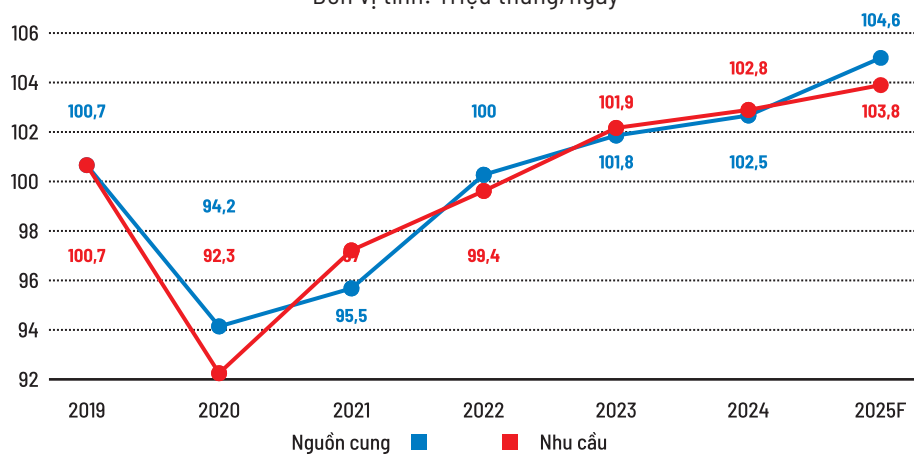
Ngày 14/10, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) đã chính thức hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu mỏ toàn cầu cho cả năm 2024 và 2025. *Dự báo nhu cầu dầu trong năm 2024 của OPEC giảm từ 2,03 triệu thùng/ngày xuống còn 1,93 triệu thùng/ngày, trong khi dự báo cho năm 2025 giảm từ 1,74 triệu thùng/ngày xuống còn 1,64 triệu thùng/ngày.* Một yếu tố quan trọng trong việc điều chỉnh này là sự giảm tốc trong tiêu thụ dầu ở Trung Quốc, quốc gia có mức cắt giảm dự báo lớn nhất từ 650.000 thùng/ngày xuống còn 580.000 thùng/ngày.

Mặc dù có sự điều chỉnh giảm, OPEC vẫn giữ cái nhìn lạc quan về nhu cầu dầu mỏ trong ngắn hạn và dài hạn, đặc biệt là trong bối cảnh dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu, tin tưởng rằng dầu mỏ sẽ vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu trong suốt vài thập kỷ tới.

Trong khi đó, ngày 15/10, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) lại đưa ra một dự báo kém lạc quan hơn. Theo đó, *IEA dự báo tổng nhu cầu dầu toàn cầu sẽ chỉ tăng thêm 0,9 triệu thùng/ngày vào năm 2024, đạt mức 102,8 triệu thùng/ngày, giảm 0,4 triệu thùng/ngày so với dự báo đầu năm.* Nguyên nhân chính là do sự suy giảm mạnh trong tăng trưởng tiêu thụ dầu ở Trung Quốc, quốc gia tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới. *Dự báo cho năm 2025 của IEA cũng không mấy khả quan, với mức tăng nhẹ 0,95 triệu thùng/ngày, đạt tổng mức tiêu thụ 103,8 triệu thùng/ngày, do sự phục hồi kinh tế toàn cầu chậm và sự phát triển mạnh mẽ của năng lượng tái tạo.*

TRIỂN VỌNG CUNG/CẦU DẦU TOÀN CẦU CỦA IEA

Đơn vị tính: Triệu thùng/ngày



Nguồn: IEA

▪ **Diễn biến giá:**

Dự báo giá dầu trong thời gian tới sẽ chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, đặc biệt là nhu cầu và tình hình địa chính trị. Mặc dù nhu cầu dầu từ Trung Quốc, quốc gia tiêu thụ dầu lớn nhất thế giới có dấu hiệu suy giảm do tăng cường sử dụng than và giảm hoạt động lọc dầu, nhưng căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông có thể đẩy giá dầu lên cao trở lại. Các rủi ro từ xung đột có thể gián đoạn nguồn cung dầu từ các quốc gia sản xuất lớn như Saudi Arabia, Iran hay các nước Vùng Vịnh, từ đó làm tăng giá dầu.

Trong tháng qua, một số tổ chức quốc tế lớn cũng đưa ra những dự báo khác nhau về giá dầu trong thời gian tới:

*Goldman Sachs dự báo giá dầu trung bình sẽ đạt 76 USD/thùng vào năm 2025 dựa trên thặng dư dầu thô vừa phải và công suất dự phòng, trong khi những lo ngại về khả năng gián đoạn nguồn cung của Iran đã giảm bớt.*

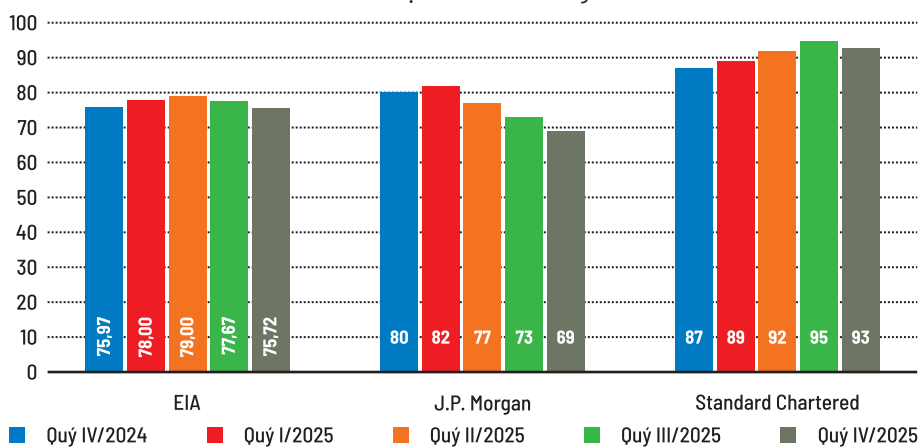
Bên cạnh đó, ngày 8/10, *EIA hiện dự kiến giá giao ngay của dầu Brent trung bình là 80,89 USD/thùng trong năm nay và 77,59 USD/thùng vào năm tới.* Trong đó, EIA dự báo giá giao ngay dầu Brent trung bình sẽ đạt 75,97 USD/thùng vào quý IV/2024, 78 USD/thùng vào quý I/2025, 79 USD/thùng vào quý II/2025, 77,67 USD/thùng vào quý III/2025 và 75,72 USD/thùng vào quý IV/2025.

Ngoài ra, *J.P. Morgan dự báo giá dầu thô Brent trung bình là 82 USD/thùng trong năm nay và 75 USD/thùng vào năm tới.* Theo đó, J.P. Morgan dự báo giá dầu trung bình sẽ là 80 USD/thùng trong quý IV/2024, 82 USD/thùng trong quý I/2025, 77 USD/thùng trong quý II/2025, 73 USD/thùng trong quý III/2025 và 69 USD/thùng trong quý IV/2025.

Cùng chung nhận định giá dầu sẽ tăng mạnh trong thời gian tới, Standard Chartered dự báo giá dầu Brent sẽ đạt mức trung bình là 87 USD/thùng trong quý IV/2024, 89 USD/thùng trong quý I/2025, 92 USD/thùng trong quý II/2025, 95 USD/thùng trong quý III/2025 và 93 USD/thùng trong quý IV/2025.

DỰ BÁO GIÁ DẦU BRENT CỦA MỘT SỐ TỔ CHỨC TRÊN THẾ GIỚI

Đơn vị tính: USD/thùng



Nguồn: Vibiz tổng hợp

1.2.2. Thị trường trong nước

Trong thời gian tới, nguồn cung xăng dầu trong nước dự báo sẽ tiếp tục duy trì ổn định, tuy nhiên giá xăng dầu trong nước có thể sẽ chịu ảnh hưởng từ các yếu tố toàn cầu và nội địa. Cụ thể:

- **Đầu tiên**, giá xăng dầu thế giới dự kiến sẽ có nhiều thay đổi, do căng thẳng địa chính trị tại khu vực Trung Đông, đặc biệt là giữa Israel và Iran, có thể leo thang. Những biến động này có thể làm gián đoạn nguồn cung dầu, ảnh hưởng trực tiếp đến giá xăng dầu nhập khẩu vào Việt Nam.
- **Thứ hai**, việc điều chỉnh chính sách của OPEC+ về sản lượng dầu cũng sẽ tác động mạnh đến giá dầu quốc tế, từ đó ảnh hưởng đến thị trường xăng dầu trong nước. Nếu OPEC+ quyết định giảm sản lượng để kiểm soát giá dầu, Việt Nam có thể phải đối mặt với áp lực về nguồn cung và giá cả.
- **Thứ ba**, trong bối cảnh đồng USD mạnh lên, chi phí nhập khẩu dầu thô và các sản phẩm xăng dầu có thể tăng, làm gia tăng giá bán lẻ xăng dầu tại thị trường nội địa. Điều này có thể tác động tiêu cực đến các doanh nghiệp và người tiêu dùng, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp sử dụng nhiều xăng dầu.
- **Thứ tư**, nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước dự báo sẽ tiếp tục tăng, các hoạt động sản xuất, kinh doanh và vận tải tăng trưởng sẽ làm gia tăng nhu cầu về nhiên liệu. Điều này tạo thêm áp lực lên nguồn cung xăng dầu và có thể dẫn đến tăng giá.

## 2. THỊ TRƯỜNG KHÍ

### 2.1. Thông tin trong kỳ

#### 2.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

##### ▪ *Cung khí:*

Trong tháng 10, nguồn cung khí đốt tự nhiên trên thế giới khá dồi dào với sự gia tăng nguồn cung từ Nga và Mexico...

Ngày 15/10, lô hàng khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) đầu tiên được xuất khẩu từ Mexico sang châu Âu, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong ngành năng lượng, đưa Mexico trở thành một nhân tố mới trên thị trường LNG châu Âu. Điều này không chỉ mở rộng nguồn cung LNG cho châu Âu mà còn phản ánh sự chuyển dịch chiến lược trong cung ứng LNG toàn cầu.

Bên cạnh đó, nguồn cung cấp khí đốt từ Nga cũng tăng mạnh, đặc biệt lượng khí cung cấp cho các nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) và Moldova, qua ngã Ukraine, đã tăng lên gần mức tối đa có thể.

Tại Mỹ, nguồn cung khí đốt vẫn ổn định nhờ sản xuất trong nước đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu nội địa. Thêm vào đó, Mỹ cũng tăng cường xuất khẩu LNG sang các thị trường châu Âu và châu Á nhằm hỗ trợ các quốc gia này đối phó với tình trạng thiếu hụt nguồn cung và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao khi mùa đông đến gần. Tuy nhiên, việc đẩy mạnh xuất khẩu này cũng gây áp lực nhẹ lên nguồn cung trong nước.

Ngoài ra, tình hình địa chính trị khu vực, đặc biệt là mối đe dọa xung đột gia tăng ở Trung Đông, đã khiến giá khí đốt chuẩn của Hà Lan tăng mạnh, khiến cho các lô hàng LNG đang chuyển hướng từ châu Á sang châu Âu để đáp ứng nhu cầu cao hơn.

##### ▪ *Cầu khí:*

Nhu cầu khí đốt toàn cầu đã chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ trong tháng 10, đặc biệt là ở các khu vực châu Âu và châu Á.

Tại châu Âu, nhu cầu khí đốt tăng mạnh trong tháng 10/2024 do thời tiết lạnh bất thường và tình hình căng thẳng địa chính trị, đặc biệt là nguy cơ xung đột leo thang tại Trung Đông, khiến lo ngại về sự thiếu hụt nguồn cung trở nên nghiêm trọng. Các quốc gia châu Âu, vốn đã trải qua nhiều khủng hoảng năng lượng trong những năm gần đây, đang tích cực tìm kiếm các nguồn cung thay thế, nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào Nga. Sự chuyển hướng các lô hàng LNG từ châu Á sang châu Âu trong tháng qua là minh chứng rõ ràng cho nhu cầu tăng cao tại thị trường này, khi giá khí đốt chuẩn tại Hà Lan tăng mạnh.

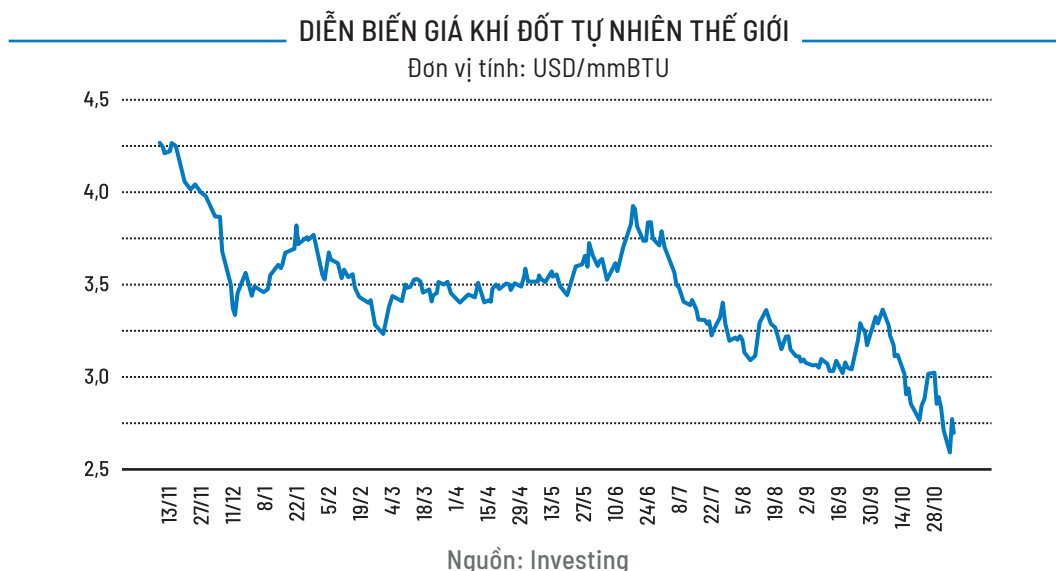
Tại Mỹ, nhu cầu khí đốt vẫn ở mức cao, chủ yếu do chuẩn bị cho mùa đông sắp đến và nhu cầu tăng mạnh từ các ngành công nghiệp.



Trong khi đó, châu Á, mặc dù đã chứng kiến sự giảm nhẹ trong nhu cầu khí đốt công nghiệp, vẫn duy trì mức tiêu thụ cao để đáp ứng nhu cầu năng lượng cho các ngành sản xuất và điện.

▪ **Diễn biến giá:**

Trong tháng 10, giá khí đốt tự nhiên thế giới mặc dù có nhiều biến động nhưng xu hướng chung là giảm nhẹ do các quốc gia tăng cường dự trữ, nguồn cung từ các nhà sản xuất lớn ổn định hơn và lo ngại về nguồn cung gián đoạn phần nào được kiểm soát. Nhu cầu khí đốt từ các thị trường lớn như châu Âu và châu Á giảm bớt khi nhiều quốc gia đã tích lũy đủ lượng dự trữ cho mùa đông sắp tới. Ngoài ra, các nguồn cung LNG từ những thị trường mới nổi cũng góp phần làm giảm áp lực giá cả, giúp thị trường khí đốt có thời điểm ổn định hơn trước.



**2.1.2. Thị trường trong nước**

Thị trường khí LNG trong nước ghi nhận những bước tiến quan trọng, đặc biệt là trong lĩnh vực cung cấp nhiên liệu cho các nhà máy điện. Ngày 4/10, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) cho dự án Nhà máy Điện Nhơn Trạch 3 và 4, đồng thời ký biên bản ghi nhớ (MOU) cung cấp khí LNG cho dự án Nhà máy điện LNG Quảng Trạch II. Các thỏa thuận này không chỉ đánh dấu sự hợp tác chiến lược giữa hai tập đoàn lớn của Việt Nam mà còn mở ra triển vọng cho việc phát triển thị trường LNG, đáp ứng nhu cầu năng lượng sạch và ổn định cho hệ thống điện quốc gia trong bối cảnh nhu cầu về điện tăng cao và cam kết giảm phát thải khí nhà kính của Việt Nam.

Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ gas tăng nhẹ trong dịp cuối năm, khi các hộ gia đình và doanh nghiệp sử dụng gas nhiều hơn cho các hoạt động sinh hoạt, sản xuất và chế biến thực phẩm.

Giá gas trong tháng 10 tiếp tục tăng nhẹ do ảnh hưởng từ giá gas CP thế giới tháng 10, được ấn định ở mức 622,5 USD/tấn, tăng 22,5 USD/tấn so với tháng 9. Theo đó, các công ty kinh doanh gas trong nước đã điều chỉnh giá bán lẻ, tăng 500 đồng/kg, tương đương 6.000 đồng cho bình 12kg và 22.500 đồng cho bình 45kg. Đây là tháng thứ ba liên tiếp giá gas trong nước tăng, và là lần tăng giá thứ sáu trong năm 2024 (vào các tháng 1, 2, 3, 8, 9, và 10), cho thấy xu hướng giá gas tiếp tục chịu áp lực từ biến động của thị trường quốc tế.

## 2.2. Dự báo

### 2.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

#### ▪ *Cung khí:*

Dự báo nguồn cung khí toàn cầu trong thời gian tới đang đối mặt với nhiều bất ổn nghiêm trọng, do các yếu tố địa chính trị và xung đột khu vực có thể tác động mạnh mẽ đến chuỗi cung ứng. Một trong những mối lo ngại lớn nhất hiện nay là xung đột giữa Iran và Israel, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến xuất khẩu khí đốt toàn cầu. Khoảng 20% khí đốt thế giới hiện nay đi qua eo biển Hormuz, khu vực chiến lược này đóng vai trò quan trọng trong việc vận chuyển khí đốt từ các quốc gia Trung Đông. Sự bùng phát căng thẳng ở khu vực này có thể dẫn đến tình trạng gián đoạn hoặc tắc nghẽn các tuyến đường vận chuyển, gây ra sự thiếu hụt nguồn cung khí đốt cho các thị trường lớn và tạo ra sự bất ổn cho các quốc gia phụ thuộc vào nguồn cung khí này.

Bên cạnh đó, việc thỏa thuận vận chuyển khí đốt giữa Nga và Ukraine đã chính thức chấm dứt, làm dấy lên lo ngại rằng châu Âu có thể phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng năng lượng mới. Trong khi đó, Châu Âu đang phải tìm kiếm các nguồn cung khí đốt thay thế từ các khu vực khác, bao gồm khí đốt tự nhiên hóa lỏng (LNG) từ Mỹ và các nước Trung Đông. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào các nguồn cung thay thế này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro về giá cả và sự ổn định của thị trường.

#### ▪ *Cầu khí:*

Trong ngắn hạn, dự báo nhu cầu khí toàn cầu, đặc biệt là tại châu Âu, sẽ tăng cao trong quý IV/2024, do mùa đông sắp tới làm gia tăng nhu cầu tiêu thụ khí đốt cho sưởi ấm và sản xuất điện. Điều này là do các quốc gia châu Âu phụ thuộc lớn vào khí đốt tự nhiên để duy trì hoạt động trong mùa lạnh, đặc biệt là ở những khu vực có mùa đông khắc nghiệt.

Trong dài hạn, nhu cầu khí đốt toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục tăng do sự phát triển kinh tế ở các quốc gia đang phát triển, cũng như xu hướng gia tăng nhu cầu năng lượng sạch và khí hóa lỏng (LNG) từ các khu vực như Đông Nam Á và Ấn Độ. Bên cạnh đó, sự chuyển dịch từ năng lượng than sang khí tự nhiên như một nguồn năng lượng ít phát thải hơn cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu khí đốt toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh các mục tiêu giảm phát thải carbon ngày càng nghiêm ngặt.

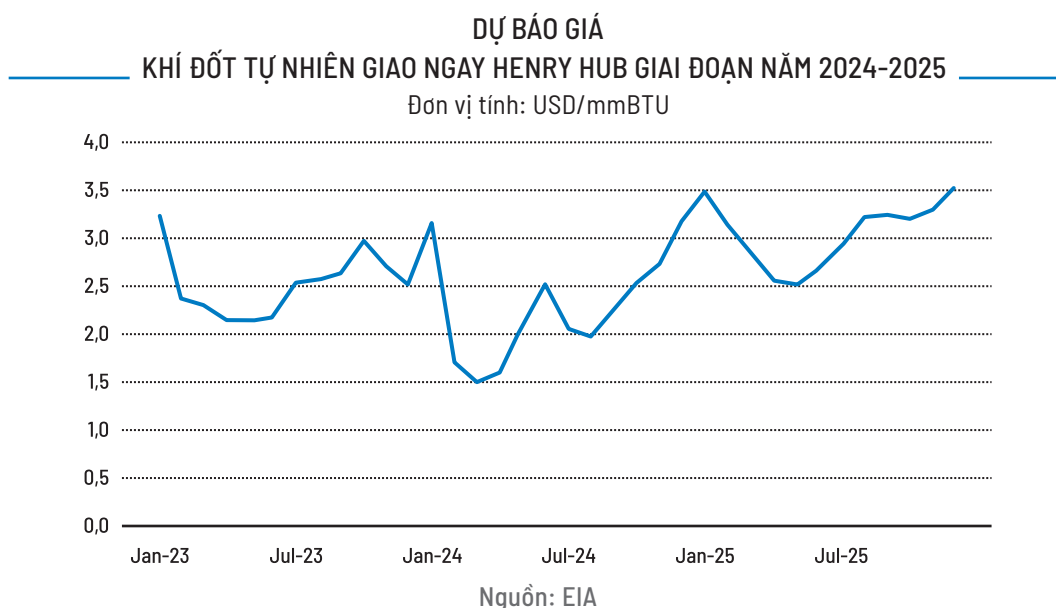
### ▪ *Diễn biến giá:*

Theo các chuyên gia, giá khí đốt thế giới sẽ tăng cao trong thời gian tới do xung đột chính trị tại Trung Đông ngày càng leo thang. Những bất ổn chính trị trong khu vực, đặc biệt là sự căng thẳng giữa các quốc gia sản xuất khí đốt lớn như Iran và các quốc gia Ả Rập, đã làm gia tăng lo ngại về gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu. Trung Đông là một trong những khu vực cung cấp khí đốt tự nhiên lớn cho thị trường thế giới, vì vậy các cuộc xung đột và tình trạng bất ổn tại đây có thể tác động mạnh mẽ đến giá khí đốt. Ngoài ra, sự gia tăng nhu cầu khí đốt từ các quốc gia đang phát triển, kết hợp với yếu tố cung ứng bị ảnh hưởng, sẽ tạo ra một áp lực lớn lên giá cả, khiến giá khí đốt có thể tiếp tục tăng cao trong thời gian tới.

Trong ngắn hạn, các chuyên gia dự báo giá khí đốt có thể tiếp tục tăng mạnh, đặc biệt là trong quý IV/2024, khi nhu cầu tiêu thụ khí đốt tăng cao vào mùa đông, kết hợp với tình hình căng thẳng chính trị ở Trung Đông. Giá khí đốt có thể dao động mạnh, với mức tăng đột biến nếu có sự gián đoạn nguồn cung từ các khu vực này.

Trong dài hạn, dù giá khí đốt có thể sẽ điều chỉnh sau đợt tăng đột ngột, nhưng tình trạng bất ổn chính trị tại Trung Đông, cùng với sự chuyển dịch toàn cầu sang năng lượng sạch và khí hóa lỏng (LNG), có thể sẽ khiến giá khí đốt tiếp tục duy trì ở mức cao.

Trong khi đó, Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự báo giá khí đốt tự nhiên sẽ giảm trong năm 2024. Theo đó, *EIA dự báo giá khí đốt trung bình tại Henry Hub sẽ đạt 2,28 USD/MMBtu trong năm 2024 và tăng lên 3,06 USD/MMBtu vào năm 2025*. Cụ thể, trong quý IV/2024, EIA dự đoán giá trung bình sẽ đạt 2,81 USD/MMBtu, rồi tăng lên 3,16 USD/MMBtu trong quý I/2025, sau đó giảm nhẹ trong quý II/2025 và tăng trở lại lên 3,35 USD/MMBtu vào quý IV/2025.



### **2.2.2. Thị trường trong nước**

Trong 2 tháng cuối năm 2024, nhu cầu tiêu thụ khí LNG dự kiến sẽ tăng cao do mùa đông sắp đến, khi nhu cầu sử dụng tăng mạnh, đặc biệt ở các nhà máy sản xuất điện. Tuy nhiên, với tình hình cung ứng LNG toàn cầu vẫn còn tiềm ẩn nhiều bất ổn do căng thẳng chính trị tại Trung Đông và sự biến động giá quốc tế, giá LNG trong nước có thể sẽ chịu áp lực tăng lên trong thời gian này.

Bước sang năm 2025, thị trường LNG trong nước có thể sẽ đối mặt với áp lực lớn hơn từ việc cạnh tranh nguồn cung quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu tăng lên. Việc phát triển cơ sở hạ tầng lưu trữ LNG, cùng với chiến lược tăng cường năng lượng tái tạo và phát triển khí nội địa, sẽ giúp ổn định nguồn cung. Tuy nhiên, giá LNG có thể vẫn duy trì ở mức cao, ảnh hưởng đến chi phí năng lượng trong nước.

Đối với thị trường gas, giá gas trong nước được dự báo có xu hướng tăng trong bối cảnh giá khí thế giới tăng cao, đồng thời nhu cầu sử dụng gas trong 2 tháng cuối năm 2024 cũng được dự báo sẽ tăng mạnh, đặc biệt là trong lĩnh vực chế biến thực phẩm.

### 3. THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN

#### 3.1. Thông tin trong kỳ

##### 3.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

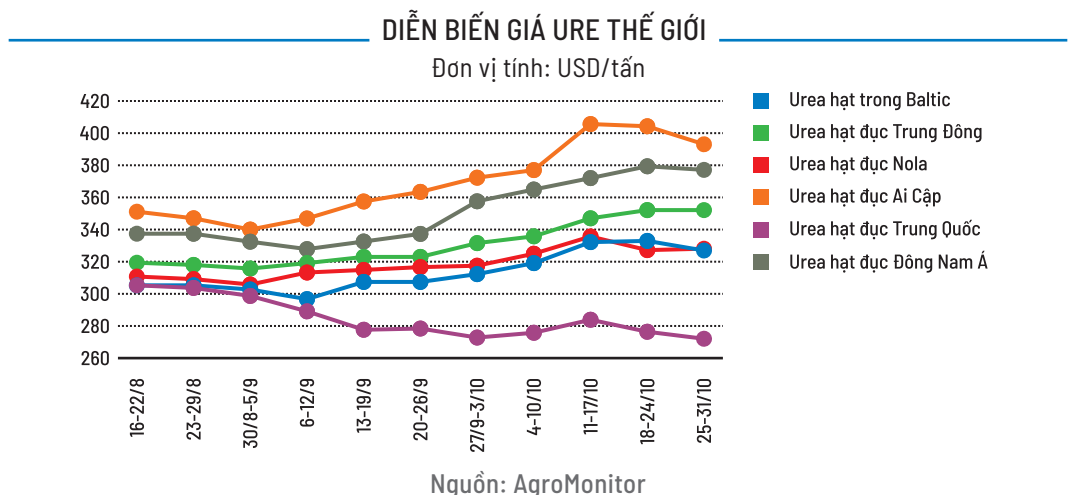
Thị trường phân bón toàn cầu trong tháng 10 tiếp tục đối mặt với tình trạng nguồn cung thắt chặt. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là sự gián đoạn từ các quốc gia sản xuất lớn như Trung Quốc và Ấn Độ, do các chính sách hạn chế xuất khẩu và khủng hoảng chính trị ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và phân phối.

Trung Quốc đã áp dụng các biện pháp kiểm soát xuất khẩu phân bón nhằm bảo vệ nguồn cung nội địa, khiến cho nguồn phân bón quốc tế trở nên khan hiếm hơn.

Bên cạnh đó, chi phí sản xuất phân bón cũng tăng cao, đặc biệt là đối với phân đạm và phân kali, do giá năng lượng và nguyên liệu đầu vào leo thang. Điều này tạo ra áp lực lớn lên các nhà nhập khẩu và nông dân, đặc biệt ở các quốc gia phụ thuộc vào nhập khẩu phân bón như Việt Nam, Ấn Độ, Brazil và các nước châu Phi.

Trong khi đó, phân bón giá rẻ từ Nga tiếp tục tràn ngập thị trường các nước Liên minh châu Âu, tạo ra một sự thay đổi lớn trong cán cân cung cầu. Việc Nga cung cấp phân bón với giá thấp hơn đã giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho nông dân và các nhà nhập khẩu tại châu Âu, nhất là trong bối cảnh nguồn cung từ các nhà sản xuất truyền thống bị gián đoạn. Tuy nhiên, sự gia tăng phân bón giá rẻ từ Nga cũng gây lo ngại về các tác động lâu dài đối với sản xuất và giá trị của các nhà sản xuất phân bón địa phương, đồng thời cũng khiến thị trường trở nên không ổn định do các yếu tố chính trị và kinh tế toàn cầu.

Trong tháng qua, thị trường ure thế giới khá trầm với nhu cầu tiêu thụ chậm đã tạo ra áp lực giảm giá tại nhiều thị trường. Giá ure thế giới trong đầu tháng có xu hướng tăng nhẹ, nhờ vào sự phục hồi nhu cầu ở một số thị trường và sự điều chỉnh giá từ các nhà sản xuất lớn. Tuy nhiên, đến cuối tháng, thị trường lại ghi nhận xu hướng giảm giá, chủ yếu do nhu cầu chậm và các yếu tố cạnh tranh từ các cuộc đấu thầu tại Ấn Độ đã tạo ra áp lực giảm giá tại nhiều thị trường lớn.



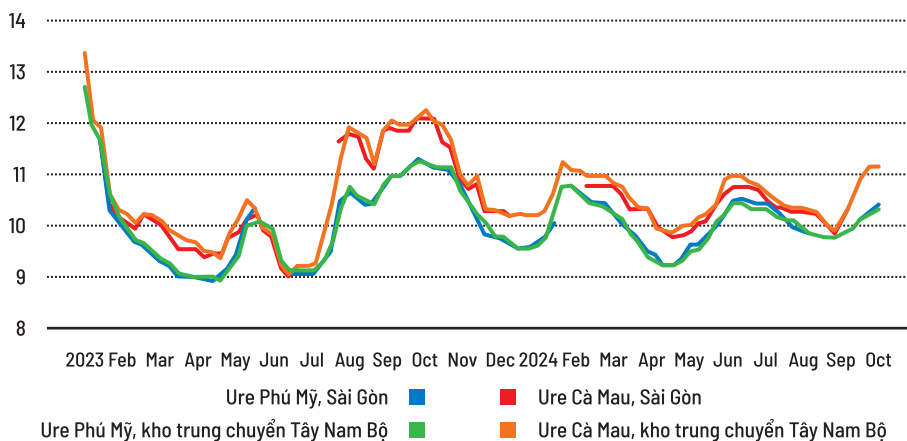
### 3.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường phân bón trong nước trong tháng 10 khá trầm lắng. Mức tăng giá các loại ure tại thị trường nội địa đã chậm lại trong bối cảnh nhu cầu yếu, mặc dù một số nhà sản xuất vẫn tiếp tục điều chỉnh giá bán vào cuối tháng.

Thị trường phân bón Việt Nam hiện đã rơi vào trạng thái bão hòa, khi nguồn cung các loại phân bón chính như ure, phân lân và NPK vượt quá nhu cầu tiêu thụ. Điều này đã tạo áp lực lên các doanh nghiệp trong ngành, khiến nhiều doanh nghiệp phải tìm kiếm cơ hội xuất khẩu ra thế giới. Tuy nhiên, việc xuất khẩu phân bón không hề dễ dàng, khi mà giá khí đầu vào vẫn duy trì ở mức cao, khiến các doanh nghiệp Việt Nam gặp khó khăn trong việc cạnh tranh với các quốc gia sản xuất phân bón lớn.

DIỄN BIẾN GIÁ PHÂN URE TRONG NƯỚC

Đơn vị tính: Nghìn đồng/kg



Nguồn: AgroMonitor

### 3.2. Dự báo

#### 3.2.1. Thị trường thế giới/khu vực

Dự báo của Hiệp hội Phân bón Thế giới (IFA) cho giai đoạn 2024-2028 cho thấy thị trường phân bón toàn cầu sẽ chứng kiến tình trạng tổng cung vượt tổng cầu đối với nhiều loại sản phẩm. Trong đó:

- Phân ure:** Tổng công suất sản xuất ure toàn cầu dự kiến sẽ đạt 165,9 triệu tấn vào năm 2024 và tăng lên 177,8 triệu tấn vào năm 2028, tương đương với mức tăng 7,1%. Trong khi đó, nhu cầu ure chỉ dự báo tăng 6%, dẫn đến dư cung khoảng 3,6 triệu tấn vào năm 2024 và 5,1 triệu tấn vào năm 2028.
- Phân lân (photpho):** Tổng công suất phân lân dự kiến sẽ tăng từ 54,3 triệu tấn năm 2023 lên 60,3 triệu tấn năm 2028, tương ứng với mức tăng 11%. Tuy nhiên, nhu cầu phân lân chỉ tăng 8%, do đó tình trạng dư cung dự kiến sẽ vẫn tiếp tục, với mức dư thừa khoảng 14% tổng công suất vào năm 2028.



- **Phân kali:** Tổng công suất phân kali dự kiến sẽ tăng từ 52,1 triệu tấn năm 2023 lên 58,9 triệu tấn vào năm 2028, tương ứng mức tăng 13%. Trong khi nhu cầu chỉ tăng 10%, dẫn đến lượng dư thừa dự kiến đạt 9,1 triệu tấn vào năm 2028.

Dự báo cho năm 2024, tổng nhu cầu đối với phân N (đạm), P (lân), và K (Kali) sẽ đạt 203,7 triệu tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước. Nhu cầu tiêu thụ cụ thể cho từng loại phân bón cũng tăng, với phân đạm dự kiến đạt 115,6 triệu tấn (+1,9%), phân lân 48 triệu tấn (+3,2%), và phân Kali 40 triệu tấn (+5,5%).

Mặc dù nhu cầu tiêu thụ tăng, triển vọng giá phân bón trong ngắn hạn không mấy tích cực. Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo giá bán trung bình các loại phân bón dự kiến sẽ giảm trong 2024 và 2025 khi nguồn cung dự kiến tăng do Ấn Độ và Brazil tăng công suất để giảm nhu cầu nhập khẩu, trong khi Trung Quốc vẫn còn hạn chế xuất khẩu.

### 3.2.2. Thị trường trong nước

Dự báo thị trường phân bón trong nước trong năm 2024 sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng từ tình trạng cung vượt cầu toàn cầu, khiến việc xuất khẩu phân bón trở thành chiến lược quan trọng đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

Theo AgroMonitor dự báo, tiêu thụ phân ure trong năm 2024 sẽ tăng khoảng 13% so với niên vụ 2022-2023, nhờ vào sự kỳ vọng tích cực trong xuất khẩu nông sản Việt Nam và nhu cầu phân bón ngắn hạn có xu hướng cải thiện.

Trong khi đó, giá phân bón ure dự kiến sẽ tăng nhẹ từ 5% - 10% trong vụ Đông Xuân khi nhu cầu nông sản tăng lên, nhưng mức tăng sẽ không quá cao do giá ure thế giới vẫn ổn định trong khoảng 300-350 USD/tấn.

Ngoài ra, nguồn khí trong nước của Việt Nam đang ngày càng suy giảm, gây ra mối đe dọa nghiêm trọng đối với ngành sản xuất phân bón. Sự thiếu hụt nguồn cung khí nội địa khiến các nhà máy sản xuất phân bón phải đối mặt với nguy cơ gián đoạn hoạt động, làm tăng chi phí và giảm hiệu quả sản xuất. Bên cạnh đó, giá khí LNG nhập khẩu cũng đang có xu hướng tăng cao, góp phần đẩy chi phí nguyên liệu sản xuất phân bón lên cao. Những biến động này có thể khiến giá phân bón ure và DAP tăng mạnh. Mặt khác, nếu tình trạng thiếu hụt khí trong nước không được khắc phục kịp thời, sự phụ thuộc vào nguồn khí LNG đắt đỏ sẽ khiến giá phân bón tiếp tục chịu áp lực tăng cao, đặc biệt là trong mùa vụ cao điểm.

## 4. THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

### 4.1. Thông tin trong kỳ

#### 4.1.1. Thị trường thế giới/khu vực

Trong tháng 10, tình trạng thiếu điện vẫn tiếp tục xảy ra ở nhiều khu vực trên thế giới, do ảnh hưởng của các cuộc xung đột, khó khăn trong phân phối năng lượng tái tạo và thiếu hụt nguồn cung khí đốt nhập khẩu.

Tại Ukraine, cuộc xung đột kéo dài với Nga đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với cơ sở hạ tầng điện, khi một nửa số cơ sở sản xuất điện của nước này bị phá hủy. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu điện trầm trọng, khi nhu cầu tiêu thụ điện vào mùa đông vượt quá khả năng cung cấp của các nhà máy trong nước.

Tại châu Á, nhu cầu điện tại Trung Quốc tăng mạnh, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp và khu vực đô thị. Sự gia tăng này đã làm gia tăng áp lực lên hệ thống điện, đặc biệt khi phải đối mặt với khó khăn trong việc phân phối điện từ các khu vực sản xuất năng lượng tái tạo đến các thành phố lớn.

Tại châu Âu, mặc dù sản lượng điện gió và mặt trời đạt mức cao trong một số khu vực, giá điện vẫn tăng cao do sự không ổn định của các nguồn năng lượng này và tình trạng thiếu hụt khí đốt nhập khẩu.

#### 4.1.2. Thị trường trong nước

Thị trường điện trong nước đã có nhiều điều chỉnh quan trọng, phản ánh sự thay đổi trong chính sách giá điện và nhu cầu tiêu thụ điện.

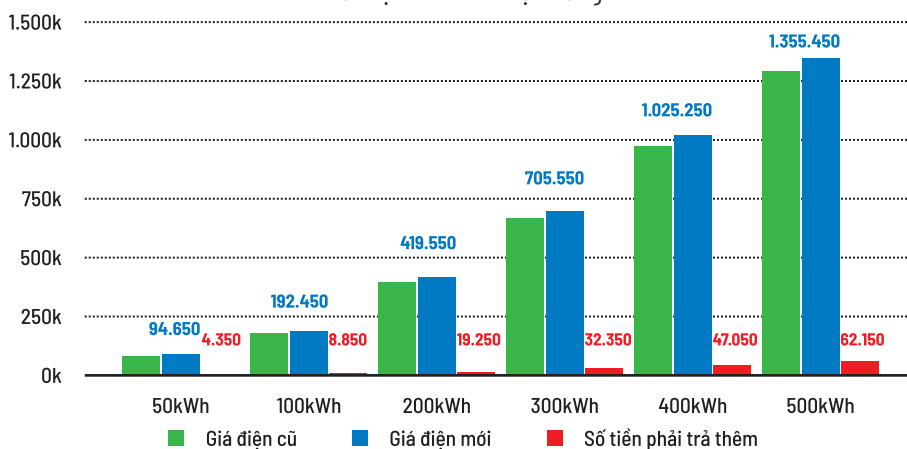
Theo quyết định mới được Bộ Công Thương ban hành ngày 8/10, mức giá mua tối đa từ các nhà máy thủy điện của Lào là 6,78 cent/kWh (tương đương 1.683 đồng/kWh), còn với dự án điện gió là 6,4 cent/kWh (tương đương 1.589 đồng/kWh). Hiện, giá điện mua từ Lào đến hết năm 2025 là 6,95 cent/kWh. Như vậy, so với hiện hành, giá mua sau năm 2025 thấp hơn 0,17-0,55 cent/kWh.

Bên cạnh đó, từ ngày 11/10/2024, giá bán lẻ điện sinh hoạt đã được điều chỉnh tăng 4,8%, lên mức 2.103,1159 đồng/kWh, tác động đến người tiêu dùng. Cụ thể, các bậc giá điện sinh hoạt đều tăng, với mức tăng từ 87 đồng/kWh đến 151 đồng/kWh tùy theo bậc tiêu thụ. Mức tăng này sẽ tác động đến khoảng 17,41 triệu hộ tiêu thụ dưới 200 kWh/tháng, chiếm 61,35% tổng số hộ sử dụng điện sinh hoạt. Các hộ tiêu thụ điện ở mức cao sẽ phải chịu mức tăng tiền điện đáng kể, trong khi các hộ tiêu thụ ít hơn sẽ chỉ chịu mức tăng nhẹ.

Theo tính toán, mức tăng tiền điện bình quân của mỗi hộ tiêu thụ từ 200 kWh/tháng trở xuống là khoảng 13.800 đồng/hộ. Tuy nhiên, mức tác động này vẫn ở mức vừa phải đối với đa số khách hàng sinh hoạt phổ biến, trong khi các hộ sử dụng nhiều điện sẽ chịu ảnh hưởng lớn hơn.

**GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN SINH HOẠT TỪ NGÀY 11/10/2024**

Đơn vị tính: VNĐ/hộ/tháng



Nguồn: Bộ Công Thương

**4.2. Dự báo**

**4.2.1. Thị trường thế giới/khu vực**

Dự báo thị trường điện toàn cầu vào năm 2050 sẽ trải qua một sự chuyển mình mạnh mẽ với cơ cấu năng lượng tái tạo chiếm ưu thế. Năng lượng gió và mặt trời sẽ chiếm đến 70% tổng sản lượng điện, trong khi các nguồn năng lượng tái tạo khác như thủy điện, địa nhiệt và sinh khối cũng sẽ đóng góp lớn, giúp tỷ trọng năng lượng tái tạo đạt 82%. Mặc dù năng lượng hạt nhân có thể giảm dần về tỷ trọng, chỉ chiếm 6%, nhưng công suất của nó vẫn tăng đáng kể.

Tuy nhiên, sự chuyển đổi này không diễn ra đồng đều giữa các khu vực. Đông Bắc Á, bao gồm các quốc gia như Trung Quốc và Nhật Bản, dự báo vẫn sẽ phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch trong sản xuất điện vào năm 2050.

Trong khi đó, các khu vực khác như châu Âu, Bắc Mỹ và một số quốc gia tại Nam Mỹ sẽ vượt qua mốc 50% tỷ trọng năng lượng gió và mặt trời trong cơ cấu sản xuất điện. Điều này phần lớn nhờ vào các chính sách mạnh mẽ hỗ trợ phát triển năng lượng sạch và sự giảm giá mạnh của công nghệ, giúp các nguồn năng lượng tái tạo ngày càng trở nên cạnh tranh hơn.

Bên cạnh đó, nhu cầu điện toàn cầu dự báo sẽ tăng mạnh, từ 33 PWh lên 68 PWh vào năm 2050, chủ yếu do sự gia tăng trong các ứng dụng mới như điện khí hóa giao thông và nhu cầu làm mát gia tăng do biến đổi khí hậu. Dự kiến, 75% số lượng xe toàn cầu sẽ là xe điện, đồng nghĩa với việc nhu cầu tiêu thụ điện sẽ tăng mạnh. Hệ thống điện phân sản xuất hydrogen xanh sẽ tiêu thụ thêm 3,4 PWh điện mỗi năm, cung cấp một giải pháp sạch và bền vững cho các ngành công nghiệp nặng. Nhu cầu làm mát trong các khu vực nhiệt đới và cận nhiệt đới cũng sẽ làm tăng đáng kể nhu cầu điện, thêm 7,5 PWh mỗi năm vào giữa thế kỷ.

#### **4.2.2. Thị trường trong nước**

Dự báo nhu cầu tiêu thụ điện quý IV/2024 sẽ tiếp tục tăng cao, với tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống ước đạt khoảng 77 tỷ kWh. Tuy nhiên, diễn biến mưa bão và thiên tai ở khu vực miền Bắc, miền Trung có thể vẫn còn khó lường, phức tạp, tạo ra những thách thức lớn trong việc đảm bảo cung ứng điện và cân đối tài chính, đặc biệt là khi giá nhiên liệu và tỷ giá có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến chi phí sản xuất điện.

Ngoài ra, dự báo thị trường điện miền Bắc vào năm 2025 sẽ gặp khó khăn nghiêm trọng khi thiếu khoảng 6,8 tỷ kWh trong cao điểm mùa khô (tháng 5 và 7) do các nguồn điện mới đi vào vận hành ít, chủ yếu vào cuối năm. Trong bối cảnh này, việc nhập khẩu điện từ Lào sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc bổ sung công suất và đảm bảo cung cấp điện ổn định cho miền Bắc trong những năm tới.



PHẦN IV

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong bối cảnh tình hình kinh tế và ngành năng lượng tháng 10/2024 nhiều biến động đang tạo ra những thách thức và cơ hội mới cho ngành năng lượng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp trong ngành như PVN cần có những điều chỉnh chiến lược để thích nghi và tận dụng những xu hướng này.

*Dưới đây là một số khuyến nghị cụ thể dành cho PVN, nhằm tối ưu hóa hoạt động và nắm bắt cơ hội trong môi trường kinh doanh hiện tại:*

- Tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, xây dựng hệ thống các chuỗi cung ứng linh hoạt và hiệu quả, thông qua việc áp dụng những công nghệ hiện đại trong quản lý dự trữ, giao nhận hàng hóa và tối ưu hóa quy trình phân phối sản phẩm.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các chiến lược tài chính bền vững, đảm bảo sự ổn định và khả năng đầu tư dài hạn. Việc sử dụng các công cụ tài chính xanh, như trái phiếu xanh, sẽ thu hút các nguồn vốn quốc tế và thể hiện cam kết mạnh mẽ của Tập đoàn trong hoạt động bảo vệ môi trường.
- Tăng cường hợp tác, phối hợp với các doanh nghiệp, tập đoàn quốc tế trong lĩnh vực năng lượng, công nghệ và hạ tầng. Việc này không chỉ giúp tối đa hóa lợi ích từ các dự án năng lượng mà còn nâng cao khả năng đổi mới sáng tạo, nâng cao khả năng cạnh tranh, góp phần xây dựng các mối quan hệ đối tác chiến lược lâu dài, thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ và toàn diện cho Tập đoàn.
- Xây dựng chuỗi các chiến dịch truyền thông mạnh mẽ, liên tục nhằm nâng cao độ nhận diện thương hiệu. Đồng thời, chú trọng vào các hoạt động quảng bá đi kèm với các cam kết phát triển bền vững và bảo vệ môi trường sẽ góp phần làm tăng giá trị thương hiệu và củng cố hình ảnh doanh nghiệp gắn liền với trách nhiệm xã hội của Tập đoàn.
- Chú trọng đầu tư vào các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió và năng lượng sinh học... nhằm giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch, đóng góp vào mục tiêu giảm phát thải carbon, bảo vệ môi trường và thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế xanh. Việc đầu tư vào các nguồn năng lượng sạch không chỉ nâng cao giá trị thương hiệu của Tập đoàn mà còn tạo ra cơ hội kinh doanh mới trong bối cảnh xu hướng toàn cầu chuyển dịch mạnh mẽ sang năng lượng tái tạo.
- Mở rộng các mạng lưới phân phối sản phẩm, dịch vụ quốc tế nhằm tăng gia tăng khả năng tiếp cận các thị trường năng lượng mới và gia tăng sự hiện diện thương hiệu trên toàn cầu. Đồng thời, điều này cũng giúp Tập đoàn đa dạng hóa các nguồn thu nhập và giảm thiểu rủi ro từ sự biến động của thị trường trong nước.

# BẢN TIN KINH TẾ VĨ MÔ SỐ THÁNG 11/2024

## PHỤ LỤC I

### KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM THÁNG 10 NĂM 2024

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Tháng 10 năm 2024	10 tháng đầu năm 2024	Tỷ lệ so sánh (%)			
					A	B	C	D
1	Tăng trưởng GDP		n/a					
2	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		n/a		104	107	108,3	
3	Hoạt động của doanh nghiệp							
3.1	Thành lập mới	DN	14.200	202.300	126,5	90,2		109,1
3.2	Quay lại hoạt động	DN	8.700		133,5	153,7		
3.3	Rút lui khỏi thị trường	DN		173.200				118,4
	- Ngừng kinh doanh có thời hạn	DN	5.454		128,8	99,1		
	- Chờ làm thủ tục giải thể	DN	5.424		73,2	110,7		
	- Hoàn tất giải thể	DN	1.987		123,8	134,3		
4	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nghìn tỷ						
4.1	Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN	Nghìn tỷ	68,4	495,9		101,5		101,8
4.2	Vốn FDI đăng ký	Tỷ USD		27,26				101,9
4.3	Vốn FDI thực hiện	Tỷ USD		19,58				108,8
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Nghìn tỷ	545,7	5.246,2		107,1		108,5
6	Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD						
6.1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD	35,59	335,59	104,4	110,1		114,9
6.2	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tỷ USD	33,6	312,28	105,8	113,6		116,8
6.3	Cán cân thương mại	Tỷ USD	Xuất siêu 1,99	Xuất siêu 23,31				
7	Chỉ số giá							
7.1	Chỉ số giá tiêu dùng				100,33	102,89	103,78	102,52
7.2	Chỉ số giá vàng				105,96	133,88	127,48	129,97
7.3	Chỉ số giá Đô la Mỹ				100,70	101,89	105,10	102,41
7.4	Lạm phát cơ bản				100,23	102,68	102,69	

A: Tháng 10/2024 so với tháng 9/2024

B: Tháng 10/2024 so với tháng 10/2023

C: 10 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023

D: Tháng 10/2024 so với tháng 12/2023





Ảnh bìa: Trong tháng qua,  
giá vàng tiếp tục tăng mạnh,  
nổi tiếp đà tăng giá tháng thứ tư liên tiếp.

[Wealthmanagement.com](https://www.wealthmanagement.com)



**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**BẢN KINH TẾ ĐẦU TƯ**  
**PHÒNG PHÂN TÍCH - DỰ BÁO**

**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC THƯƠNG HIỆU VÀ CẠNH TRANH**  
*phối hợp thực hiện*